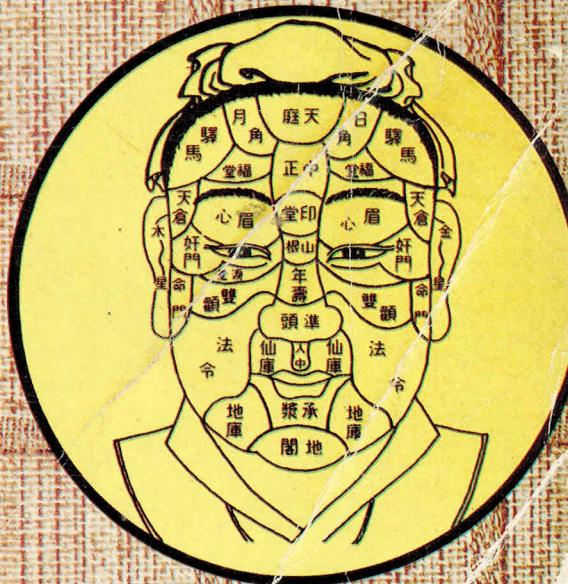
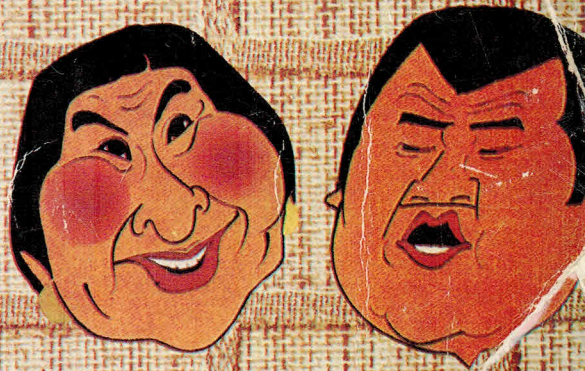


TÚY LANG

CƠ TƯỢNG ĐÀN ÔNG



Sa-Đéc, March 8, 2015

TÚY-LANG
NGUYỄN-VĂN-TOÀN

coi tướng
ĐÀN ÔNG

« Tướng biến tâm,
tâm dưỡng đức ».

1973

Dàn bài

Cuốn « COI TƯỚNG ĐÀN ÔNG » này ra mắt Quý vị Độc giả, không liên quan tới khía cạnh nào của cuốn « COI TƯỚNG ĐÀN BÀ », vì hai thể chất của tướng cách rất khác nhau, cùng một Tướng đó thuộc về Đàn ông rất xấu, ngược lại thuộc về Đàn bà thì lại rất là hay, là đẹp. Để khỏi sự lăm lẩn, nên cuốn này được phân tách ra từng Chương, từng Mục như sau :

Chương nhất gồm có 7 mục chính :

- I. Nam diện ứng thập nhị cung hình đồ.
- II. Luận mười hai cung ứng trên nét mặt.
- III. Nam tướng diện hình lược đồ.
- IV. Hình đồ diện mạo thứ tự số liệt bài.
- V. Các con số ứng vào cung trên nét mặt Đàn ông.
- VI. Hành niên trực vận đồ.
- VII. Vận hạn hằng năm ứng trên nét mặt.

Chương nhì gồm có 4 mục :

- I. Tướng thọ.
- II. Tướng yểu.
- III. Tướng phú quý.
- IV. Tướng bản tiên.

Chương ba gồm hai mục.

I. Tướng hung ác.

II. Tướng Cô độc (khắc vợ, khắc con, hoặc chịu hoàn cảnh hãm hiu).

Chương bốn gồm 2 mục, luận về các loại nốt ruồi :

I. Nốt ruồi mọc trên nét mặt.

II. Nốt ruồi mọc trong mình.

Chương năm gồm có 3 mục luận về tam đình :

I. Thượng đình.— Kê từ chân tóc giữa trán tới giữa đầu hai chân mày.

II. Trung đình.— Kê từ giữa đầu hai chân mày xuống tới đầu lỗ mũi.

III. Hạ-đình.— kê từ đầu mũi xuống tới cằm,

Chương sáu gồm 5 mục, luận về tướng các bộ phận trên nét mặt đàn ông.

I. Tướng trán.

II. Tướng mắt.

III. Tướng mũi.

IV. Tướng miệng.

V. Tướng tai.

Chương bảy gồm 5 mục, luận về các việc sở cầu.

I. Coi bản mệnh cát hung.

II. Coi về quan lộc thịnh suy.

III. Coi về cầu tài

IV. Coi về xuất hành.

V. Chiêm bệnh.

Như vậy tất cả có 7 chương, gồm 28 mục chính, diễn tả rõ ràng từng khía cạnh về tướng cách của người đàn ông hiện trên nét mặt, phú bần, thọ yểu, quý tiện, thiện ác, hiền ngu, đều không thể giấu giếm được con người tinh tế.

Soạn giả chẳng ngại công phu trình diễn những nét sẵn có mà cố nhân để lại, âu cũng là một cơ hội để chúng ta cùng nhau xét người, xét mặt, xét lòng thử chơi

Viết tại Quận Công Thanh xong ngày 1-9-1972
trong tiết Thu năm Nhâm-Tý.

TÚY LANG

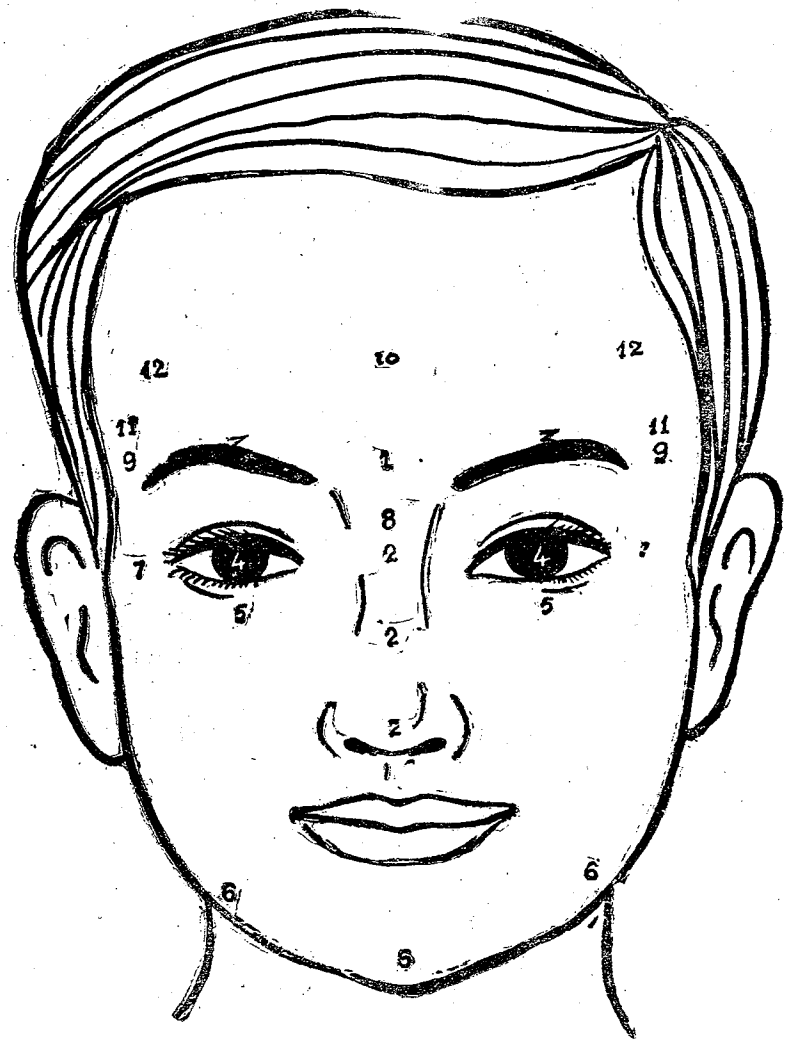
CHƯƠNG NHẤT

- I. Nam diện ứng thập nhị cung hình đồ.
- II. Luận mười hai cung ứng trên nét mặt.
- III. Nam tướng diện hình lược đồ.
- IV. Hình đồ diện mạo thứ tự số liệt bài.
- V. Các con số liệt kê ứng vào các cung trên nét mặt đàn ông.
- VI. Hành niên trực vận đồ.
- VII. Vận niên hành đồ ứng diện hình. (Vận hạn hàng năm).

I.— NAM DIỆN ỨNG THẬP NHỊ CUNG HÌNH ĐỒ

Hình nét mặt Đàn ông ứng theo mười hai cung như sau :

1— Mệnh cung. 2— Tài cung. 3— Bào cung. 4— Điền trạch cung. 5— Nam nữ cung. 6— Nô bộc cung. 7— Thê thiếp cung. 8— Tật ách cung. 9— Thiên di cung. 10— Quan lộc cung. 11— Phúc đức cung. 12— Phụ mẫu cung.



II.— LUẬN MƯỜI HAI CUNG HIỆN TRÊN NÉT MẶT

I.— Mệnh cung

Sách Tướng trong Ma-Y nói rằng: «Mệnh cung giả cư lưỡng mi gian, sơn căn chi thượng quang minh như kính, học vấn giai thông. Sơn căn bình mãn nãi chủ phúc thọ. Thổ tin tung trực phù cũng tài tinh, nhữn nhược phân minh, tài bạch phong doanh, ngạch như Dụng tự, tất phú qui song toàn.»

Có nghĩa là cung Mệnh đóng ngay giữa hai đầu chân mày, phía trên sơn căn, nếu sáng như gương ắt hẳn người có văn tài lỗi lạc và rất thông minh. Tại sơn căn nơi trên sống mũi lại bằng phẳng và nảy nở là người phước thọ. Cung Thổ tinh ứng vào cái Mũi nếu thườn thườn là hợp với Tài tinh, hai con mắt lại trong sáng đều đặn nữa thì chắc chắn là người tiền của rất nên thừa thãi, nếu vàng trán lại vuông vắn như chữ Dụng (用) là bạc phú quý song toàn.

«Nhược mệnh cung Ao trầm tất định bản hàn, mi tiếp tương giao thành hạ tiện. Loạn lý ly hương hữu khắc kỳ thể tử. Ngạch xuyên, mi khô tài phá truân chuyên.»

Nếu nơi mệnh cung bị lõm và chìm thấp ắt hẳn nghèo hèn, hai chân mày liền với nhau là người có tính tình đê tiện. Có thêm những văn loạn ngang dọc nơi ấn đường làm như có nét nhăn nheo ắt hẳn là người tha phương cầu thực, khắc hại vợ con. Vàng trán nhọn hoắt lại thêm hai chân mày khô héo là ba chìm bảy nổi, đứng đâu cũng chẳng được vững vàng. Ta thường quen nói Truân

chuyên, nhưng chính ra nó là chữ CHIÊN có nghĩa con người ít gặp bước may, đứng không vững chắc, thường bị tiểu nhân chèn ép.

2.— Tài cung.

Tài cung ứng về tiền của ảnh hưởng tới Thổ tinh là cái Mũi. Sách tướng bàn rằng: «Tị nãi tài tinh vị cư Thổ tú, tu yếu phong mãn minh nhuận tài bạch hữu dư. Trung chính bất thiên, tị như huyền đởm, phú quý song toàn. Lưỡng biên tinh táo phân minh vi đại quý.»

Mũi thuộc về tài lộc mà cũng ứng về Thổ tinh. Mũi cần phải được đầy đặn, sáng sủa, đẹp đẽ, ắt hẳn tài lợi có thừa. Mũi ngay thẳng không lệch lạc, coi giống như buồng mật treo là phú quý song toàn. Hai bên đầu mũi gọi là cung Tinh và cung Táo đều nhau là đại quý.

«Nhược Tị đột ao tiêm phong, tài phá bản hàn. Không ngưỡng chủ vô cách củ chi loại. Tru Táo nhược không tất thị gia vô sở ạch.»

Nhược bằng Mũi gồ ghề, khúc thì nổi lên, khúc thì lõm xuống, lại nhọn như chóp núi là tướng bị phá tài nghèo túng. Lỗ mũi rộng tuếch lại héch lên là người không thành sự mưu toan một việc gì (vô cách củ). Hai bên đầu mũi gọi là Tru Táo hoặc là Tinh Táo lại không nổi lên, có nghĩa là bị lép thì trong nhà của cải không tích tụ.

3.— Bào cung.

Anh chị em ứng về Bào cung ở tại hai chân mày. Trong sách tướng bàn rằng:

« Huynh đệ vị cư lưỡng mi La Kế. Mi trường quá mục đệ huynh tam tứ vô hình. Mi tứ nhi sơ tư nhiên đoan chính. Mi như tân nguyệt hòa đồng vĩnh viễn siêu quần. »

Coi cung anh chị em ở tại hai chân mày bên tay tả là cung La hầu, bên tay hữu là cung Kế đô. Bên La Hầu dài thì lăm anh em trai, ngược lại bên Kế đô dài thì nhiều chị em gái. Nếu đồng đều dài quá mắt thì anh chị em đông đảo mỗi phía 3 hoặc 4 người, cộng chung gần một chục, hòa thuận không hình khắc. Chân mày đẹp và thưa thớt sáng sủa là người có tâm địa trung thực. Chân mày giống như mặt Trăng đầu tuần (Trăng non) hai bên rất cân đối là người có trí cao, anh chị em suốt đời là bậc siêu quần (tài ba hơn người).

« Nhược mi thô thả đoản khí vận hắc ám kiến hình. Lưỡng cử mi mao đỉnh tụ di mâu. Định liên hoàng bạc tử táng tha hương. Mi mao loạn kết tất hữu thứ xa huynh đệ. » Vì như chân mày coi thô kệch lại thêm ngắn ngắn, có cái màu sắc hờn ám là ứng về anh chị em và cả tới bản thân cũng gặp cảnh tội tù, anh chị em rất ít và không được cậy nhờ. Nếu hai chân mày lệch lạc bên cao bên thấp, hoặc coi không cân đối ắt hẳn cùng cha khác mẹ. Chân mày liền với nhau (liên mi) trở màu vàng hay bạc phéch, (có nghĩa là nhuộm mà chẳng phải là bạc trắng như tuổi về già) là người lưu lạc giang hồ, chết nơi đất khách. Chân mày mọc rối loạn, cộng ngang cộng dọc chẳng phân minh là tướng người có anh chị em tâm địa độc ác, như nhóp như loài Rắn Chuột.

4.— Điền trạch cung.

Cung Điền trạch chỉ về nhà cửa ruộng nương ứng vào hai con mắt. Trong Ma Y bàn rằng :

« Điền trạch giả vị cư lưỡng nhân, tối ky xích mạch xâm tâm. Nhược phạm thứ mạch sơ niên tận phá gia viên, đáo lão vô lương tác khảo ».

Có nghĩa là cung Điền trạch ứng vào hai con mắt, ky nhất có những gân máu đỏ thắm chạy chung quanh tròn trắng muốn xâm nhập tới tròn đen. Nếu phạm phải những điềm này ắt hẳn lúc tuổi còn thanh niên đã phá tán nhà cửa ruộng vườn, tới tuổi về già không có lương thực mà nhờ cậy. Ý nói là kẻ mắc vào cảnh ăn mày. Chữ Xích mạch là tia máu đỏ, chữ táo-khảo là làm ra cung cách để cậy nhờ, để kiếm miếng cơm manh áo.

« Nhõn như điềm tất, chung thân sản nghiệp vinh xương. Phụng mục cao mi, quyền chí tam châu ngũ huyện. Âm Dương khô cốt mạc bảo điền viên. Đại nhõn gia tài khuynh tán ».

Nếu trông con mắt nhóng nhánh như điềm sơn đen, là tướng một đời hưởng phước vinh xương. Mắt như chim phụng và chân mày lại mọc rất cao, quyền quý tới ba Châu năm huyện. Ngược lại hai con mắt (Âm Dương) lớn nhỏ khác nhau, rạo hoảnh, khô khan là người khó giữ nổi ruộng vườn. Mắt lớn tròn trũng là tướng người tiền tài sạch túi. Chữ Tất là Sơn đen.

5.— Nam nữ cung.

Nam nữ cung chỉ về con cái, ứng vào phía dưới hai con mắt.

« Nam nữ giả vị cư lưỡng nhân hạ, danh viết Lệ đường. Tam Dương bình mãn nhi tôn phúc thọ vinh xương. Ân ân ngọa tâm tử tức hoàn tu thanh quý, hựu dà. »

Có nghĩa là cung Nam Nữ thuộc về phía dưới hai con mắt thường gọi là cung Lệ Đường. Tam Dương kẻ từ phía dưới đầu con mắt cho tới phía dưới đầu đầy đặn như nhau ắt hẳn con cháu hưởng phước lộc lâu dài. Coi hình như con tấm nằm vắt ngang dưới mắt là ứng về con trai con gái rất nhiều và rất nên thanh quý.

« Nhược Lệ Đường thâm hãm định vị nam nữ vô duyên. Hắc chí, tà văn đảo lão nhi tôn hữu khắc. Khâu như xuy hỏa độc tọa lan phòng. Nhược thị bình mãn nhân trung nan đắc nhi tôn tống lão ». »

Nếu xét thấy cung Lệ đường bị tối đen là vô duyên về đường con cái. Mọc thêm nốt Ruồi đen, lại có những nét văn nghiêng ngã, tất nhiên trở về già con cái khắc xung. Coi tới miệng thấy chum chúm như thồi lửa là tướng một mình ngồi chốn lan phòng. Xét thêm phần nhân-trung phía môi trên thấy bằng phẳng không có rãnh, ắt về già không con chống gậy.

6.— Nô bộc cung.

« Nô bộc giả vị cư Địa các, trùng tiếp Thủy tinh. Ngạch viên bản mãn thị lập thành quần. Phụ, Bát tinh triều nhất hồ bá nặc. Khâu như Tứ tự (☳) chủ hồ tự, bát tán chi quyền. »

Trong sách tướng Ma-Y bàn rằng: cung Nô-Bộc ứng về bạn bè, tôi tớ và những kẻ dưới tay, ảnh hưởng tại hai nơi Địa các, là hai quai hàm, tiếp với cung Thủy tinh là cái miệng và đầu Cằm. Nếu vàng trán vuông vẫn thì kẻ dưới tay luôn luôn lẫn quần bên mình có đoàn có lũ. Hai bên Phụ Bát triều vào nữa là ứng vào tướng người hô một tiếng có trăm người ứng trực. Miệng vuông tương tự như hình chữ Tứ (☳) là người có quyền hành gọi một tiếng có kẻ tới liền và hét một tiếng phải có kẻ rút lui. Cung Tả phụ ứng nơi phía trán bên trái, cung Hữu bát ứng nơi phía trán bên mặt. Chữ Hồ là gọi và chữ Hát là quát tháo. Chữ Bản mãn là lảng xảng, xẩn vẩn.

« Nhược Địa các tiêm tà, thụ âm thâm nhi phản thành oán hận. Văn thành bại hãm phân vi nô bộc chi nhân ». »

Nếu Địa các cũng gọi là cái cằm bị nhọn và nghiêng lệch, ắt hẳn nuôi kẻ tôi tớ rất nên hậu hi nhưng chung quy làm ơn nên oán. Nhược bằng có nổi lên những nét văn tua tủa quần quit quanh cửa miệng ắt bản thân lại đi làm tôi tớ cho người. Chữ Tiêm là nhọn và chữ Tà là nghiêng. Ta thường nói Bóng tà huy, là mặt trời đã nghiêng nghiêng xế chiều.

7.— Thê thiếp cung.

Cung Thê thiếp ứng về Vợ Cả hoặc nàng hầu. Trong Ma Y bàn rằng:

« Thê thiếp cung giả, vị cư Ngự vĩ, hiện viết Gian môn, quang nhuận vô văn tất bảo thê toàn tử đức. Phong long bình mãn thủ thê tài bạch doanh trung. »

Có nghĩa là cung Thê thiếp nằm tại nơi Gian môn phía dưới hai con mắt giống như đuôi con cá nên gọi là Ngư vĩ. Nếu nơi này sáng sủa tươi đẹp, không nổi lên những đường vân lộn xộn hất lên buồng cúp xuống tới lưỡng quyền, ắt hẳn được vợ hiền bảo toàn tử đức. Đẹp và đầy đặn nơi Gian môn không những chính bản thân là người sung sướng mà lại có vợ tiền bạc đầy rương. Lưỡng quyền là hai Gò Má. Chữ Tử đức chỉ về bốn đức độ của người đàn bà là Công, Dung, Ngôn, Hạnh. Chữ Doanh cũng đọc là Bình, có nghĩa là đầy đủ và chữ Tương là cái Rương, là cái tử tiền.

« Nhược Gian môn thâm hãm thường tác tán lang. Ngư vĩ văn đa thê phòng ác tử. Gian môn âm thâm tự hiệu sinh ly. Hắc chí, tà văn ngoại tinh, tâm đa dâm dật. »

Nếu mà nơi Gian môn bị nổi quầng đen ứng về làm con rẻ nhiều lần. Nơi ngư vĩ nổi lên nhiều nét văn như đuôi Cá, đề phòng vợ chết một cách gớm ghê. Xét cho kỹ nếu Gian môn có vẻ như màu âm đạm, sẫm bi là ứng về cảnh sinh ly. Có nốt ruồi đen và đường vân lệch lạc là kẻ có ngoại tình, mà cũng là phùng dâm-dãng. Chữ Tán-Lang là chàng Rẻ khác với chữ Tán-Lang là cây Cau. Nếu nói cây Cau già gọi là Lão lang. Chữ Âm thâm là sàu buồn.

8.— Tật ách cung.

Tật ách có nghĩa là bệnh hoạn và tai nạn. Trong Ma y lý số bàn rằng : « Tật ách giả Ấn Đường chi hạ, vị cư tam căn, long nhi phong mãn, tổ lộc vô cùng, văn chương oanh nhiên quang thái, ngũ phúc câu toàn. »

Cung Tật ách nằm tại phía dưới Ấn đường, liền với cung Mệnh, ứng vào ba cội rễ. Phần trên của mũi gọi là Sơn con, phần giữa của Mũi gọi là Niên thọ và phần cuối của Mũi gọi là Chuẩn đầu, đó là ba cội rễ, nếu Mũi được đều đặn tươi nhuận là tương hưởng lộc của Tổ tiên không bao giờ đứt đoạn, cha truyền con nối rất mực giàu sang, còn đường văn chương, thi cử lừng danh trong thiên hạ, năm phước đồng đều. Chữ Oanh này có nghĩa là trong như ngọc đá. Chữ Ngũ phúc gồm : Phúc, lộc, thọ, khương, ninh,

« Nhược sang văn đề hãm, liên niên túc tật trầm kha. Khô cốt tiêm tà vật miễn chung thân thụ khổ. Khi như yên vụ tai ách lâm thân. »

Nếu mũi có đường văn giống như bị vết thương làm như nhăn nheo bất cứ ở phía trên hay dưới Mũi, là quanh năm bị bệnh ngấm ngấm. Mũi khô queo, nhọn như mỏ Chim Ưng và nghiêng lệch, đó tránh khỏi cái khổ cực đến bản thân một đời. Mũi có màu sắc như khói ám, như sương mù, là ứng vào tai nạn tới nơi. Chữ Sang là vết thẹo, vết ghẻ làm cho khuyết hãm. Chữ Túc tật là bệnh cũ trong tâm, can, ti, phế, thận. Chữ Trầm kha là bệnh lâu khó chữa. Chữ Yên là khói, chữ Vụ là móc sương, là mây mù. Chữ Khô này có nghĩa là khi mạnh, khi yếu, rất khó chịu về cơn bệnh, hoành hành, bất nhất...

9.— Thiên di cung.

Thiên di chỉ về cung xuất ngoại, cũng là cung xử thế với mọi người trong xã hội. Sách tướng bàn rằng :

« Thiên di giả, vị cư lưỡng Dác, hiệu viết Thiên thương, long mấn phong doanh, hoa thái vô ưu. Dác vĩ vị bình đảo lão đắc nhân khâm-phục. Đẳng đẳng Dịch mã tu quý du hoạn tứ phương. »

Có nghĩa là cung Thiên di ứng vào hai bên Thái dương cuối chân mày, giáp với mang tai được gọi là Dác biên, cũng gọi là Thiên thương, nếu tươi sáng đầy đặn, hình như nổi lên, thành ra đôi hai con mắt không bị lép, là tướng người luôn luôn vui đẹp, mọi công việc khuếch trương đều được xuôi lọt chẳng lo âu (hoa thái vô ưu). Nếu hai bên Thái Dương bị lép thì bốn ba khổ sở, ngược lại bằng phẳng, về lúc tuổi già được nhiều người kính trọng. Cung Dịch Mã nổi lên vun vút (dẳng đẳng), là thường làm quan, nay đổi nơi này, mai rời nơi khác, nhưng vẫn hưởng thú thanh nhàn, tự tại. Cung Dịch Mã hai phía trán trên cung Thái dương.

« Ngạch, Dác dề hãm cô bản, mi liên giao tiếp, thử nhân phá tổ ly tông. Thiên Địa thiên tà, thập Cư cửu biến. Sinh tướng như thử bất tại, di môn, tất đường cải mộ. »

Có nghĩa là nếu Vàng trán và cung Thái dương bị thấp và ám hãm, lép, lại bị hai chân mày lia liền với nhau nữa, thì người này ắt phú tổ nghiệp, ly quê hương. Cung Thiên đình (trán và cung Địa các (cằm) nếu bị lệch (thiên), nghiêng, không cân đối, là tướng người ở mười nơi thì rời chín chỗ. Sinh ra tướng này nếu chẳng ở yên, lại muốn đi đó, đi đây, ắt hẳn phải đi đến cái mồ, cái má. (Chết đường).

10.— Quan lộc cung.

« Quan lộc giả, vị cư trung chính thượng hợp Ly, phú phục tề quán đỉnh, nhất sinh bất lợi công đình. Dịch mã triều quy, quan từ thoái nhiều. Quang minh, oanh phù, hiền đạt, siêu quần Ngạch Dác đường đường quan tư thường phạm. Sang lý phá thường chiêu hoành sự. Nhãn như xích lý, quyết phạm đồ hình. »

Có nghĩa là cung Quan lộc nằm phía trên cung trung chính (phía trên giữa vàng trán) hợp với cung Ly hỏa, nếu đầy đặn (phủ), xương sống mũi chạy nổi bật lên tới mái tóc (phục tề là xương liền với sống mũi và quán đỉnh là lên tới thóp), là người suốt đời chẳng bao giờ làm lỗi chỗ cửa công, có nghĩa là vô sự một đời. Hai bên Dịch mã, là hai xương trán nổi lên châu vào nữa, là tướng làm việc quan chẳng bao giờ phiền nhiễu tới ai. Rõ ràng và sáng tỏ, là người hiền đạt, lại có trí khí, tài lược siêu quần. Nếu hai bên vàng trán có xương nổi lên coi có vẻ đường đường, là tướng hay phạm ý cấp trên. Nếu lại thêm những nét văn phá ngang dọc, là tướng ra làm việc trái ngang, phạm những nét này rồi, mà hai con mắt đỏ kẹch như mắt cá chầy cá Chép, ắt hẳn là tướng chiêu hình họa, tội tù.

11.— Phúc đức cung.

« Phúc đức giả, vị cư Thiên thương, khiến liên Địa các, ngũ tinh triều cung, bình sinh phúc lộc man man. Thiên Địa tương triều, đức hạnh tu toàn ngũ phúc. »

Cung Phước đức nằm tại nơi Thiên thương (cái kho

dun của trời ban) buông liền với Địa Các coi thẳng bằng, lại được Ngũ tinh châu vào nữa, là tướng người suốt đời hưởng phước lộc đầy tràn (man man). Thiên đình và Địa các châu nhau là người đức hạnh vẹn toàn. Ngũ tinh là năm sao, ý nói Trán, Mũi, miệng và hai tai.

« Giả như Hàm viên, ngạch trách, tu tri khổ tại sơ niên. Ngạnh viên, hàm tiêm, truân bỉ hoàng tông lão cảnh. Mi cao, mục tủng, vưu thả bình bình. Mi yêm, nhĩ tà, vị ngôn phúc đức. »

Vì như Cằm tròn, trán lại bị hẹp hời, biết rằng tướng người khổ cực lúc thiếu niên. Ngược lại nếu vàng trán tròn trĩnh, nhưng cằm bị nhọn, là truân chuyên, bị cực lúc tuổi già. Chân mày mọc cao, mắt sếch ngược lên, là tướng người bình thường, không sang mà cũng không hèn. Chân mày phủ xuống mắt, đè hẳn mí mắt trên (mọc thấp), hai tai nửa ngả, nửa nghiêng, là tướng người phước lộc chẳng bền. Chữ Hàm là cái Cằm. Chữ Trách là hẹp. Chữ Tiêm là nhọn và chữ Tủng là ngược sếch lên.

12.— Phụ mẫu cung.

« Phụ Mẫu giả, vị cư Nhật Nguyệt lưỡng Dắc, Minh tú Phụ Mẫu song toàn, khang ninh thọ khảo. Nhật dắc trách nhi tiên khắc Phụ, Nguyệt dắc trách nhi tiên khắc Mẫu. Tả mi cao khởi tiên khắc Phụ. Hữu mi cao khởi, mẫu tắc tái giá. Ngạch trách mi giao, phụ mẫu tảo vong. »

Có nghĩa là cung Phụ Mẫu ứng vào hai bên Nhật Dắc và Nguyệt Dắc. Hai cung này ở phía trên dưới chân mày.

Nhật dắc bên Trái và Nguyệt dắc nằm bên phải. Nếu hai cung này sáng sủa, phân minh, đầy đặn như nhau, thì Cha Mẹ mạnh khỏe và sống lâu. Phía Nhật dắc bị lép, khắc Cha, Nguyệt dắc lép khắc Mẹ. Nếu chân mày bên trái cao hơn bên phải, là trước ắt khắc Cha và Mẹ đi tái giá. Trán đã bị hẹp mà lại còn bị hai chân mày mọc liền với nhau nữa, ắt hẳn sớm mồ côi Cha mẹ.

Đề khởi làm lẫn với các Cung, coi đồ hình giải thích tiếp theo.

III.— NAM TƯỚNG DIỆN HÌNH LƯỢC ĐỒ

« Thiên can, Địa chi, Ngũ nhạc, Tứ độc, Bát quái, Ngũ tinh, Cửu diệu, Lục Thú, ứng tại diện hình Nam tử như vãn : »

Sách Trưng bản rằng Thiên can, và Địa-chi, cũng như Năm núi, Bốn sông, Tám quẻ, ứng vào năm Sao, thành chín vị và sáu loại Cằm thú, phảng phất hiện trên nét mặt người đàn ông để định cát hung như sau :

a) Thiên can :

Có mười cội rễ gọi là Thiên can là Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm và Quý. Những can Giáp, Bính, Mậu, Canh, Nhâm đều thuộc về Dương số. Những can Ất, Đinh, Kỷ, Tân và Quý đều thuộc về Âm số.

b) Địa chi :

Có mười hai nhánh của Đất là Địa chi gồm Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tị, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất và Hợi.

Những chi như Tý, Dần, Thìn, Ngọ, Thân và Tuất đều thuộc Dương chi. Những chi như Sửu, Mão, Tị, Mùi, Dậu và Hợi, đều thuộc về Âm chi.

c) Ngũ nhạc :

Ngũ nhạc tượng trưng cho năm ngọn Núi, theo hình ngang dọc, cao, thấp, hiểm hóc, gồm có : *Hoàng sơn* là ngọn núi nằm ngang trên trán. *Tung sơn* là ngọn núi nằm dọc theo sống mũi. *Thái sơn* và *Hoa sơn* là hai ngọn núi nằm hai bên đường gò má. *Hàng sơn* là ngọn núi hiểm hóc, ứng về Miệng tới Cằm.

d) Tứ độc :

Tứ độc có nghĩa là bốn con Sông riêng biệt như sau : *Giang*, *Hà*, *Tế*, *Hoài*. *Giang* là con sông hay cái Rãnh, tượng trưng, nằm hai bên Lỗ tai. *Hà* là con sông hay ao rãnh, tượng trưng, nằm hai bên phía dưới con mắt, nơi Lệ đường. *Tế* là con sông hay cái rãnh, tượng trưng, nằm tại Nhân trung, dưới đầu Mũi đến môi trên. *Hoài* là con sông hay cái rãnh, tượng trưng, nằm ngay cửa Miệng, giáp với Thủy tinh.

e) Bát quái :

Bát quái gồm tám quẻ Dịch là : Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn và Đoài. *Càn* chỉ về tượng Trời, Cha, Quân tử và ánh sáng ban ngày. Ứng về phương Tây bắc. *Khảm* chỉ về tượng Nước, trong, đục, đầy, voi, hiểm hóc nơi khe lạch. Ứng về Chính Bắc. *Cấn* chỉ về tượng Núi non, hiểm trở, thấp cao. Ứng về hướng Đông bắc. *Chấn* chỉ về Sấm, chớp, điện Lôi, khủng khiếp. Ứng về hướng Chính Đông. *Tốn* chỉ về tượng Mây, Gió, bão táp, mưa nguồn,

gió biển. Ứng về hướng Đông Nam. *Ly* chỉ về tượng Lửa hồng, nắng Hạ. Ứng về hướng chính Nam. *Khôn* chỉ về tượng Đất, Mẹ, Tiểu nhân và bóng tối ban đêm. Ứng về hướng Tây Nam. *Đoài* chỉ về tượng Sông, ngòi và biển cả, cũng là ruộng vườn, nhà cửa. Ứng về hướng Tây.

f) Ngũ tinh :

Ngũ tinh cũng giống như ngũ hành, ứng về năm ngôi sao : Kim, Mộc, Thủy, Hỏa và Thổ tinh.

Kim tinh ứng về bên Tả của Tai, thuộc về phương Tây, cung Dậu, tháng Tám. *Mộc tinh* ứng về bên Hữu của Tai, thuộc về hướng Đông, cung Mão, tháng Hai. *Thủy Tinh* ứng về cửa miệng, xương tới Cằm, thuộc hướng Bắc, cung Tý, tháng một tháng Mười. *Hỏa tinh* ứng về vầng Trán, thuộc hướng chính Nam, Cung Ngọ, tháng Năm tháng Tư. *Thổ tinh* ứng về cái Mũi (toàn bộ), thuộc Trung cung, nằm trong ngũ hành, làm chủ cho các tháng Ba, Sáu, chín, và tháng Chạp. Hai tháng liên **quaa** tới Thổ tinh cũng là tháng Giêng và tháng Bày.

Ngũ tinh tương sinh :

Kim tinh sinh Thủy tinh.

Thủy tinh sinh Mộc tinh.

Mộc tinh sinh Hỏa tinh.

Hỏa tinh sinh Thổ tinh.

Thổ tinh sinh Kim tinh.

Ngũ tinh tương khắc :

Kim tinh khắc kị Mộc tinh.

Mộc tinh khắc kị Thổ tinh.

Thổ tinh khắc kỵ Thủy tinh.

Thủy tinh khắc kỵ Hỏa tinh.

Hỏa tinh khắc kỵ Kim tinh.

Hai chữ *Khắc kỵ* có ý nghĩa nói rằng hai vì Sao nếu một bên nặng và một bên nhẹ, nên gọi là Tương khắc, mà không có Tỷ Hòa như trong luận đoán của Tử Vi và Kinh dịch.

Một thí dụ như Hai bên Tai thuộc Kim và Mộc rõ ràng là tương khắc, nhưng nếu hai tai đều như nhau, không bên nào kém bên nào, như vậy là Kim không thua Mộc mà Mộc cũng chẳng hơn Kim là Tương sinh. Ngược lại nếu Tai bên Phải thuộc Kim, lại thua bên Trái thuộc Mộc là tương khắc.

Một thí dụ nữa như Trán rộng rãi là Hỏa vượng, mà Thủy-tinh nơi cửa miệng lại nhỏ hẹp, là bất tương sinh, mới gọi là tương Khắc. Chúng ta cùng nên lưu ý điểm này.

g) Cửu diệu :

Ngoài ngũ tinh ra còn có Cửu Diệu, có nghĩa là chín vì Sao hợp vào là :

Thái âm ứng về mắt Phải.

Thái dương ứng về mắt Trái.

Kế Đô ứng trên chân mày bên Phải.

La hầu ứng trên chân mày bên Trái.

Còn lại năm vì Sao như đã kể ở phần trên, ứng vào các bộ phận, chúng ta đã nhận chân, đó là Ngũ tinh. Ngũ tinh thêm bốn nữa gọi là cửu diệu, đều được ghi trên Diện đồ hình.

h) Lục thú :

Lục thú có nghĩa là sáu con thú vật tượng trưng hiện trên nét mặt như sau :

1) *Thanh long* nằm bên gò má tay trái, tượng trưng về phía người con trai.

2) *Chu tước* nằm toàn bộ vàng trán, từ chân mày lên tới thóp, ứng Phúc đức tổ tiên.

3) *Câu trăn* nằm tại trung cung, nơi dưới sống Mũi, ứng bình tật, quyền uy.

4) *Đằng xà* nằm phía dưới Câu trăn, gần đầu Mũi, nơi thường có hai nét nhăn ở Mũi chạy xuống Thủy Tinh nơi cửa miệng. Những người tương ăn mày, thường bị Đằng xà nhập khẩu, có nghĩa là hai nét nhăn ở mũi chạy thọc vào cửa miệng.

5) *Bạch hổ* nằm bên gò má tay phải, tượng trưng về phía người con gái.

6) *Huyền Vũ* nằm tại dưới cửa miệng, phần môi dưới, giáp với đầu Cằm, ứng về việc ăn uống, giàu nghèo hoặc là bị tai ương nơi sông biển.

Chúng ta cùng coi những số ghi rõ ràng các điểm trong hình đồ diện mạo sẽ tương.

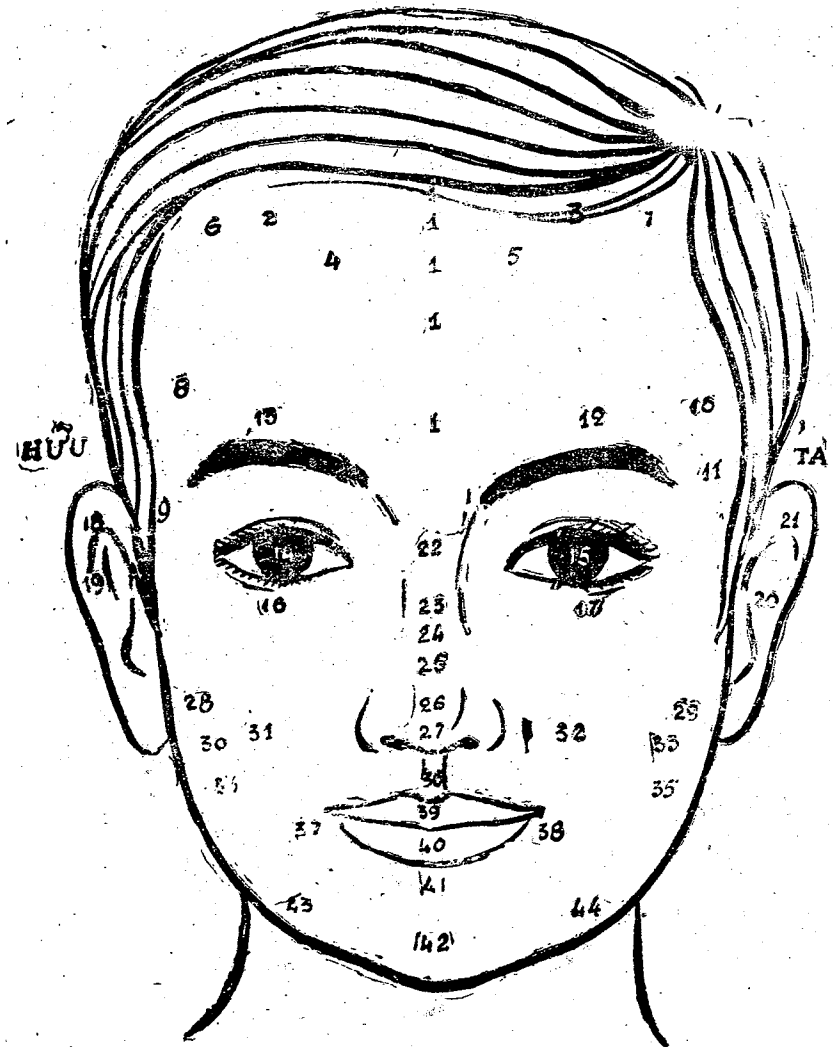
IV.— HÌNH ĐỒ ĐIỆN MẠO THỨ TỰ SỐ LIỆT BÀI

Các điểm ghi về Thiên-can, Địa-chi, Ngũ-nhạc, Tứ-độc, Bát-quái, Ngũ-tinh, cửu diệu và Lục-thù trên nét mặt người Đàn-ông như sau :

Số 1 là cung Ngọ chạy từ đỉnh trán xuống gần giữa hai chân mày, mà cũng là cung Ly, là Hỏa-tinh, là Hoành-sơn, là Tứ-khí (khí đở tươi), là Sao-nguyệt bột, hoặc gọi là Sao Tuệ (Tuệ-tinh, sao chổi). Tuệ tinh ở gần giữa hai chân mày nơi Ấn-đường. Số 2 là cung Tị. Số 3 cung Mùi. Số 4 cung Bính. Số 5 cung Đinh. Số 6 cung Tốn. Số 7 là Khôn. Số 8 cung Thìn. Số 9 cung Ất. Số 10 cung Thân. Số 11 cung Canh. Số 12 cung La-hầu. Số 13 cung Kế-đô. Số 14 Thái-Âm. Số 15 ứng Thái-dương. Số 16 và 17 ứng cung Hà. Số 18 là Mộc-tinh. Số 19 và 20 ứng cung Giang. Số 21 ứng Kim-tinh (cũng gọi là sao Thái-bạch). Số 22 ứng cung Mậu-kỷ thuộc Thổ, nơi Sơn Căn. Số 23 là Tung-sơn. Số 24 là Câu-Trần. Số 25 thuộc Đẳng-xà. Số 26 là Thổ-tinh (nơi chính-vị). Số 27 ứng Chuẩn-đầu. Số 28 là cung Mão thuộc Chấn. Số 29 thuộc Dậu, cung Đoài. Số 30 là Thái-Sơn. Số 31 là Bạch-Hồ. Số 32 ứng Thanh-Long. Số 33 là Hoa-sơn. Số 34 thuộc cung Dần, hoặc Giáp. Số 35 là cung Tân, thuộc Tuất. Số 36 là cung Tể. Số 37 là Quý-Sửu. Số 38 thuộc Tý hoặc cung Nhâm. Số 39 ứng về Thủy tinh. Số 40 ứng sông Hoài. Số 41 là Huyền-võ, thuộc Tý. Số 42 ứng Hằng-sơn cung Khâm. Số 43 thuộc Cấn và số 44 là Càn, Hợi.

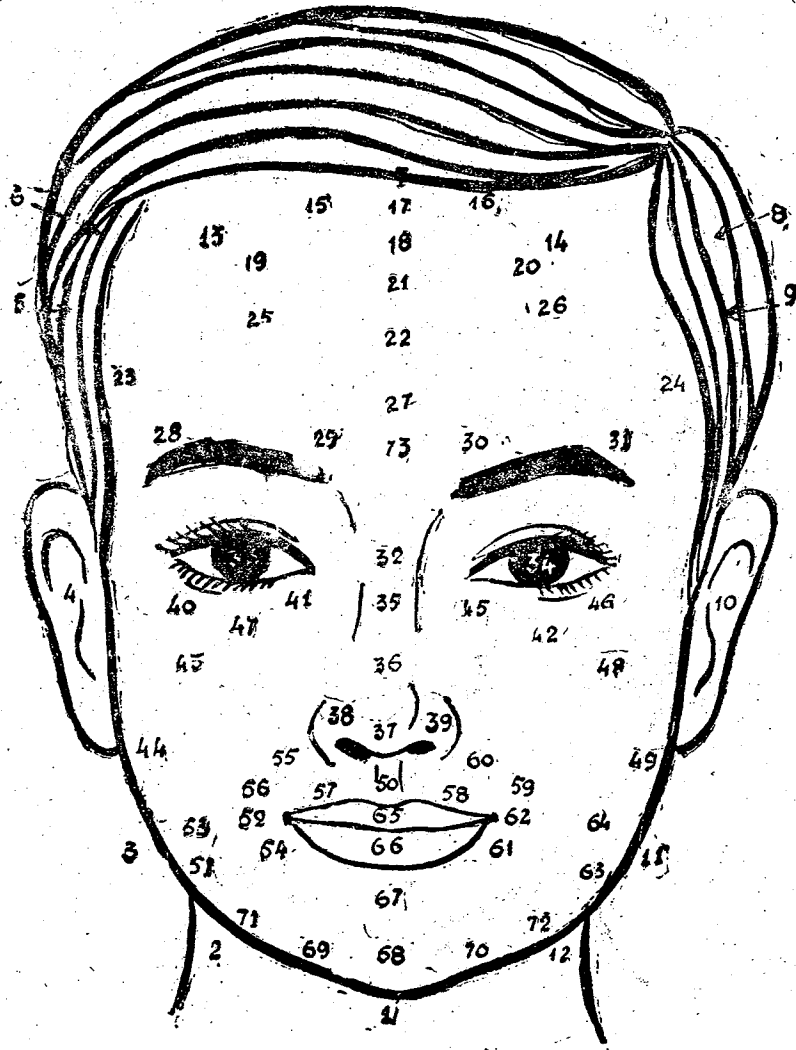
V.— CÁC CON SỐ LIỆT KÊ ỨNG VÀO CÁC CUNG TRÊN NÉT MẶT ĐÀN ÔNG

(Thiên-Can, Địa-chi, Ngũ-Nhạc, Tứ-độc, Bát-quái, Ngũ-tinh, Cửu-diệu và Lục-Thù)



VI.— HÀNH NIÊN TRỰC VẬN ĐỒ

Những vận-hạn luân-chuyển cho mỗi năm ứng theo bộ-phần trên nét mặt, theo lời giải-thích xấu tốt trong bài bản, và mỗi số ghi ứng theo tuổi của cung ấn-định.



VII.— VẬN NIÊN HÀNH ĐỘ ỨNG ĐIỆN HÌNH

« Nhân sinh Bách tuế vi kỳ », có nghĩa là con người ta sanh ra ở trên đời, đều ước ao sống lâu trăm tuổi, nhưng chẳng có ai được hưởng sung-sướng, hoặc chẳng có ai chịu cực khổ suốt đời, giàu của, giàu con thì cũng có khi tai-bay, vạ-gió là thường tình, nghèo-nản, đói khát cũng gặp thời vinh-quang, phong túc. Chỉ có người bất thành nhân tướng mới phải chịu long-đông, chung thân bôn tẩu, đó lại là tướng ăn mày. Kẻ ăn mày cũng có cái ảo tưởng, nên mới sống để đợi chờ vận tia, thiết-tưởng cái đó cũng là niềm hy vọng.

Người hiền thường ưa gánh vác cái thế hiem-nghèo, lúc bình thân lại thường hay thờ-ơ danh vọng, bởi vậy mới nảy sanh ra cái tật hay soi gương, ngắm bóng, để kiểm điểm vận thời. Tất cả trong một trăm năm đều hiện lên trên nét mặt tuần-tự theo giai đoạn.

Nét hiện tươi và dày trong-khoảng ấn-định là vận-hạn hanh-thông, ngược lại ám hãm, nghiêng lệch, ắt gặp cảnh hôn-ba, phá-tài, hại mạng. Tướng diện cũng chẳng khác nào xét bề ngoài một loại trái cây, ngoài tươi mông, sáng-sủa tất nhiên bên trong không ung thúi, chúng ta cùng nhau chiêm-nghiệm như sau :

Kể từ năm lên 1 tuổi tới 15 :

Coi cung Thiên-trung, ghi số 17, nơi kể chân tóc trán tới thóp. Nơi này lúc sơ-sinh mà dày dặn, nổi cao, là tướng thọ-trường, không tật-bệnh. Nếu bị lép, hãm, sâu hoắm như lỗ hũng, ắt bịnh-tật liên-miên, nếu qua được tuổi 15, mới trở thành nhân cách.

Tuổi 16 :

Hiện lên tại cung Phát-tế, ghi số 18 gần nơi chân tóc, phía dưới cung Thiên-trung, giữa trán. Nơi này quang-thuận thì phát tài, hưng-vượng trong gia đình, ngược lại bị tối om, là có việc buồn rầu. Ly thuộc Hỏa là Lửa, mà bị mờ-ám, chứng tỏ Thủy lai diệt Hỏa.

Tuổi 17 và tuổi 18 :

Tuổi lẻ coi bên trái và tuổi chẵn coi bên mặt, tuy Trái, Phải mặc dầu, nhưng hai tuổi đều ảnh hưởng giống như nhau. Tuổi 17 coi bên Nhật dắc, tuổi 18 coi bên Nguyệt dắc ghi số 20 và 19, nằm ở hai bên cung Phát-Tế.

Tuổi 19 :

Coi cung Thiên-đình ghi số 21 nằm phía dưới cung Phát-Tế.

Tuổi 20 và 21 :

Ứng tại Hữu phụ dắc ghi số 25 cho tuổi 20 và Tả phụ dắc ghi số 26 cho tuổi 21, nằm hai bên phía Thiên-đình, tươi sáng, hoặc trở màu, vàng lợt, tốt lành, nếu nổi màu đen là tai hại. Màu Vàng ứng về hành Thổ, đối với Hỏa là tương sinh. Đen thuộc Thủy là tương khắc. Trở màu xanh tươi là có công danh.

Tuổi 22 :

Coi cung Tư không ghi số 22 phía dưới nét Thiên-đình. Ky màu hắc ám và màu trắng bệch nếu nổi lên như vậy, ắt có tai ương. Màu Trắng bệch ứng về hành Kim, khắc Hỏa.

Tuổi 23 và 24.

Tuổi 23 ứng tại Tả biên thành ghi số 15 và tuổi 24 ứng Hữu biên thành ghi số 16. Hai điểm này nằm tại hai bên Thiên-trung. Ảnh hưởng cũng giống như màu sắc của các tuổi 20, 21 với 22.

Tuổi 25.

Ứng tại nơi Trung chính nằm phía dưới cung Tư không, ghi số 27. Tại cung này tươi đẹp sáng như gương, ắt thi cử đậu cao, kinh doanh đắc lực. Nếu tối om, ắt có tai ương.

Tuổi 26.

Ứng tại nơi mang tang bên phải gọi là Phần mộ nằm bên huyết Thái dương ghi số 23. Người có bệnh, nếu cung này bị đen như Mực, ắt phải tử vong. Trở màu xanh hoặc vàng lợt, hoặc hồng hồng, ắt gặp thầy, gặp thuốc. Hai bên mang tang tươi nhuận, nhưng bị lép, là kẻ bôn ba.

Tuổi 27.

Ứng tại mang tang bên Trái, bên huyết Thái dương và ảnh hưởng cũng giống như mang tang bên Phải. Cung này là Khuru lẳng ghi số 24.

Tuổi 28.

Ứng tại ~~Ấn Đường ghi số 73~~, phía dưới cung Trung chính và nằm giữa đầu hai chân mày. Cung này nổi cao lên và có ánh tươi lóng lánh như thoa mỡ, là gặp vận hanh thông. Nếu bị lép và có vằn ngang dọc cắt đứt, hoặc bị giao mi (hai chân mày liền nhau) là lao碌. Thêm ám hãm vào nữa ắt bị tội tù.

Tuổi 29 và 30.

Cung Tả sơn lâm ghi số 13 ứng tuổi 29 và Hữu sơn lâm ứng tuổi 30 ghi số 14, nằm cạnh hai bên trán, giáp phía ngoài của Biên Đỉnh. Hai điểm này nếu nở nang, rộng rãi và sáng sủa, bóng loáng thì phát đạt về công danh, tài lợi, ngược lại coi có vẻ eo hẹp, lép và tối đen là hạn trùng trùng. (hạn khó khăn liên tiếp).

Tuổi 31.

Ứng tại cung Lăng Vân ghi số 30, nơi phía trái cung Trung chính và Ấn đường, thuộc về phía trên chân mày trái. Cung này nếu ứng đỏ lợt, hoặc vàng, hay xanh nhạt, là anh em có người tiến đạt, chính thân cũng hanh thông. Ngược lại nếu đen tối, ắt có tang thương về đường huynh đệ. Có thể là người trong dòng họ gặp bước tai ương, tù tội.

Tuổi 32.

Ứng về cung Tử khí. (Chữ tử là đỏ tía và chữ Khí là sắc, là màu, là hơi) ghi số 29, nằm bên tay phải cung Trung chính và Ấn đường, thuộc về phía trên chân mày Phải. Cung này ảnh hưởng cũng như cung Lăng Vân, trong tuổi 31.

Tuổi 33.

Tại số 31 có ghi cung Thái hà, nằm giữa chân mày trái phía trên. Nếu nổi lên óng ánh, sáng tươi, thì công danh phát đạt, mưu sự đẹp lòng, vừa ý. Ngược lại bị đen tối, hoặc bị lép, là tướng hãn gặp lắm chuyện éo le, nay đây mai đó, anh em bất thuận, hạn vận cô đơn.

Tuổi 34.

Ứng tại cung Phiên Hà ghi số 28, nằm giữa chân mày Phải phía trên. Cung này cũng ảnh hưởng giống như cung Thái hà trong tuổi 33.

Tuổi 35.

Ứng tại cung Thái dương, cũng gọi là cung Lệ đường bên dưới đầu mắt trái. Cung này ghi số 45 ứng vào tuổi trung niên, nếu phía dưới con mắt trái tỏa ra ánh sáng tươi đẹp, đầy đặn, giống như người mới ngủ dậy, là gặp vận rất hanh thông. Ngược lại bị tối om, hoặc lép, hoặc ướt át như bị đóng ghèn, là vận thời truân kiện, long đong, con cái khó khăn, vợ chồng không hòa thuận, hao tổn tiền tài.

Tuổi 36.

Coi Cung Thái âm ghi số 41, nằm dưới đầu con mắt Phải, ảnh hưởng cũng giống như cung Thái dương số 45, của tuổi 35. Chỉ khác một nét, là sáng sủa thì người vợ làm ăn phát đạt, ngược bằng tối om, coi như bị ám màu Tro, là ứng về người vợ tai ương.

Tuổi 37 :

Ứng tại cung Trung-dương ghi số 34, nằm trong con mắt Trái, thường gọi là cung Mâu-tử, có nghĩa là con người, liên quan tới cả phía dưới con mắt, gần với Ngoại-tâm. Cung này nếu con người trở màu đỏ-tía là có sự hung-hãn tới nơi, hoặc phía dưới mí mắt nổi đen là sát-hại, không ứng về con cái, thì cũng ứng về bản thân. Tươi sáng, đầy đặn là hưởng

phước lộc lâu dài. Cung này cũng ứng về con trai, hoặc người chồng, ảnh hưởng về Dương.

Tuổi 38.

Nổi lên tại cung Trung-Âm, ghi số 33, phía trong còn mắt Phải, cũng tương-tự như tuổi 37, nhưng khác một nét là ứng về người Nữ, con gái, hay là người vợ.

Tuổi 39.

Tại cung Thiếu-dương, ghi số 46, nơi phía dưới đuôi con mắt Trái, cũng là cung Ngự-vĩ, hoặc Gian-môn. Nếu đuôi cá được cong lên, ắt hẳn làm ăn phát đạt, ngược lại bị cúp xuống, thêm nét đen như màu Tro, là ứng về cảnh vợ con lạt nhạt, tiền tài phá tán, bôn ba. Nếu Ngự vĩ lại trở màu hồng hồng, thì coi chừng có nạn đao thương, tù tội.

Tuổi 40.

Coi cung Thiếu Âm, ghi số 40, thuộc về Ngự vĩ bên mắt Phải, ảnh hưởng tương tự như 39.

Tuổi 41.

Ứng tại cung Sơn căn, ghi số 32, nơi sống mũi, giữa hai đầu con mắt. Nếu cung này cao và tròn mới tốt, ngược lại cao và lép như sống lưng Trâu thì nghèo. Nổi màu tối đen, khô khan như gạch ngói, là vận hạn chẳng hanh thông. Tròn mà bóng láng, là làm ăn phát đạt.

Tuổi 42.

Ứng tại cung Tinh xá, ghi số 47, nằm phía dưới Ngọ

tâm, bên mắt Phải, liền với xương Quyển. Cung này dưới sáng thì tốt lành, ngược lại thâm tím và vận hạn đau thương.

Tuổi 43.

Coi cung Quang điện, ghi số 42, nằm phía dưới đuôi Ngọ tâm mắt Trái, ảnh hưởng giống như tuổi 42, nơi cung Tinh xá.

Tuổi 44.

Ứng tại cung Niên thượng, nằm phía dưới Sơn căn, ghi số 35. Nếu tối đen, mốc mác, khô héo, là nhiều bệnh tật, hao tài, tổn sức. Tươi đẹp như cung Sơn căn, thì phát đạt, công danh.

Tuổi 45.

Coi cung Thọ thượng ghi số 36, giáp với đầu Mũi, dưới cung Niên thượng, nếu bóng và tươi là vận hạn hanh thông, tiền tài hoành phát. Tối đen hoặc tự nhiên biến thành méo mó, là gặp hạn ốm đau, hoạn nạn tới bản thân. Nếu lệch hẳn về một bên nào cũng vậy, là chết chóc.

Tuổi 46 và 47.

Thuộc về Lưỡng quyền, là hai xương Gò má, tuổi 46 ứng bên phải, ghi số 43, bên trái ghi số 46, ứng tuổi 47. Xương gò má nổi đen như mực, là hạn khắc vợ, hoặc khắc con, tiền tài hao tán, làm quan mất chức, đi buôn hết vốn, thì cử trượt bằng vàng, bôn ba đầy đọa, bị kẻ tiểu nhân ám hại. Nếu ứng đỏ như son, là có

huyết thương, vì danh lợi. Sáng và trong xanh thì tốt lành, mờ cầu mọi việc đều đắc lực.

Tuổi 48.

Ứng tại cung Chuẩn đầu, ghi số 37. Nơi này đầy đặn, tròn trĩnh như trái mặt treo « Tị như huyền đóm » là ứng về tướng rất giàu sang, thời vận nhiều may mắn. Ngược lại nếu tròn trĩnh, nhưng bị khô héo, tự nhiên coi hình như nghiêng lệch khác hẳn mọi ngày, là vận thời bị mất, không tội tù thì cũng tang thương, chết chóc. Những người gần tận số, thường sống mũi bị nghiêng vẹo và co lại, mất hẳn thẳng bằng.

Tuổi 49.

Ứng tại cung Gián thai, nằm phía trên đầu lỗ mũi bên trái, ghi số 39.

Tuổi 50.

Ứng tại cung Đinh úy, nằm phía trên đầu lỗ mũi bên phải ghi số 38. Nếu hai cung Gián thai và Đinh úy đều đặn như nhau và tươi sáng, là tướng làm ăn phát đạt. Nếu bị tối đen, hoặc bị lép, nổi vằn ngang dọc, là vận hạn phá tài, tù tội. Mỗi cung ứng riêng mỗi tuổi.

Tuổi 51.

Ứng tại Nhân trung, giữa môi trên có đường rãnh càng sâu, càng thâm là tốt. Nếu nổi màu vàng hay trắng bệch, là bệnh tật tới nơi. Trỏ màu hồng là có huyết quang. Nhân trung vẹo vọ ngả nghiêng, là tướng sát con,

hại vợ. Nhân trung đầy đặn không có rãnh, trơn lu là vận hạn có đơn. Ở giữa rất sâu mà hai bên bờ nổi lên như miệng lu, là tướng giàu của, giàu con, mờ cầu việc gì cũng tốt. Cung này ghi số 50.

Tuổi 52 và 53.

Ứng tại cung Hữu tiên phụ ghi số 57, cho tuổi 52 và số 58 thuộc Tả tiên phụ cho tuổi 53. Hai cung này nằm hai bên Nhân trung. Nếu đầy đặn, có bờ nổi lên thì tốt, nhược bằng bị lép, bị tối đen, thì ứng vào cung tuổi rất tai hại. Người bệnh mà hai bên Tiên phụ bị đen như mực, hoặc trỏ màu vàng như nghệ, ắt có tử vong.

Tuổi 54 và 55.

Tuổi 54 ứng tại cung Lộc thương ghi số 56 và cung Thực thương ứng tuổi 55, ghi số 59. Chữ Lộc thương là kho tài lộc, chữ Thực thương ứng về kho lương thảo. Nếu hai bên mép tươi đẹp, hất lên đầy đặn như trăng treo, sáng sủa, là vận hạn toàn hảo về tiền tài, vườn ruộng, nếu lép và cúp xuống như thuyền úp, là phá tan gia tư. Trỏ màu vàng tươi, hoặc đen như mực, là tử vong, tù tội, cơ nghiệp tan tành.

Tuổi 56 và 57.

Coi tại cung Hữu Pháp lệnh ghi số 55, ứng tuổi 56 và cung Tả pháp lệnh ghi số 60, ứng tuổi 57. Hai cung này nằm bên mép phía trên của miệng. Nếu sáng sủa, hất ngược lên thì tốt. Nhược bằng bị cong xuống như cánh cung là xấu. Nếu chạy thẳng vào miệng theo nét

nhấn là hạn « Đẳng xà nhập khẩu », con rắn chui vào miệng là hạn đói cơm, rách áo, như Thạch Sùng, Vương Khải nhà Hậu Tấn, tan nát cơ đồ. Nếu bị « Hoàng xâm khẩu dác », có nghĩa là nổi màu vàng như nghệ ở hai bên mép thì nguy hiểm về tánh mạng.

Tuổi 58 và 59.

Coi cung Hữu phụ nhĩ ghi số 44 cho tuổi 58 và cung Tả phụ nhĩ ghi số 49 cho tuổi 59. Hai cung này nằm giáp mang tai, gần Quai hàm, giáp với xương gò má. Hai cung này đầy đặn nổi cục như nhai trầu, sáng sủa thì làm ăn tấn phát, mưu cầu mọi việc đều được hanh thông. Nếu bị lép, bị đen, là hạn gặp nhiều âu lo, phá tài.

Tuổi 60.

Ứng tại cung Thủy tinh ghi số 65, ngay môi trên và cửa miệng. Cung này sáng tươi, không nổi màu đen tối là ứng về tiền tài, ăn uống đều phong túc. Nếu bị nhọn nhọn hoặc tối om, là có bệnh tật, hao tài, tang chế, có thể là thủy ách nơi sông biển.

Tuổi 61.

Ứng tại cung Thừa trung, ghi số 66, phía môi dưới cửa miệng. Cung này đầy đặn, có nét vẫn chạy ngang, thành thớt, ắt gia đình hưng vượng. Nếu mỏng và đen, hoặc trở màu tái xanh, là thất tài, hại vật, bệnh hoạn chẳng yên.

Tuổi 62 và 63.

Coi cung Hữu địa khố, ghi số 69, ứng tuổi 62 và cung Tả

địa khố, ghi số 70, ứng tuổi 63. Cung này nằm hai bên đầu Cằm, thuộc về phần Địa các. Nảy nở, cân đối, thì an khang, phát phước. Nếu méo mó, nghiêng lệch bên nào, thì ứng vào tuổi đó, gặp sự bất an, tán tài.

Tuổi 64 và 65.

Ứng tại cung Ba Tri, ghi số 54, thuộc tuổi 64 và cung Nga Áp ghi số 61, thuộc tuổi 65. Hai cung này nằm phía dưới hai bên đầu mép. Nổi lên cao ráo, sáng sủa, là vận hạn hanh thông, khang kiện. Nếu đen tối, lõm vào như bị khuyết, là hãm tài, bệnh tật, thiếu ăn, thiếu mặc. Chữ Ba Tri là sóng ao hồ, chữ Nga Áp là ngỗng vịt. Nhưng vậy có ý nói Ao phải có nước thì loài Ngỗng Vịt mới có mỗi.

Tuổi 66 và 67.

Cung Kim lâu ghi số 52 và số 62, đường rãnh hai bên mũi chạy xuống ngang với hai bên cửa miệng. Nếu rộng rãi vươn ra, coi tươi đẹp gọi là « Lưỡng long tranh châu » là tốt. Ngược lại bị quặp vào cửa miệng là « Đẳng xà nhập khẩu » là xấu. Tốt thì gia đình, con cháu có đường tiến triển. Xấu thì đói khát, cô đơn. Tuổi chẵn coi bên Mặt, tuổi lẻ coi bên Trái.

Tuổi 68 và 69.

Ứng tại Hữu quy lai ghi số 51 cho tuổi 68 và Tả quy lai ghi số 63 cho tuổi 69. Hai cung này nằm phía dưới mang tai nơi quai hàm. Tròn trĩnh, nảy nở, tươi sáng là khỏe mạnh, nếu nghiêng lệch, vẹo vọ, ắt có tử vong, phá tài, hoạn nạn.

Tuổi 70 và 71.

Coi cung Tung đường ghi số 67, nằm tại môi dưới, khoảng giữa cung Thừa trưng và Địa các, ứng về tuổi 70, và cung Địa các ghi số 68, ứng tuổi 71, nơi đầu cằm. Sáng sủa thì tốt lành, méo mó và trở màu đen tối là bệnh tật tới nơi.

Tuổi 72 và 73.

Ứng tại cung Hữu nô bặc ghi số 71 cho tuổi 72 và cung Tả nô bặc ghi số 72 cho tuổi 73.

Hai cung này nằm phía dưới cung Quy lai, khoảng đầu quai hàm. Nếu tròn trĩnh, đầy đặn, thì khang ninh, người có quai hàm như vậy khi trở về tuổi già hưởng nhiều phúc lộc. Ngược lại quai hàm tuy gọi là vương vãn, nhưng bạnh ra thành góc như thước thợ, thì về tuổi già tuy khang kiện nhưng vất vả. Nói cung Nô bặc có nghĩa là nâng đỡ, là che chở, là quyền uy. Nếu cung Nô bặc xấu, thì mọi việc mưu cầu đều trắc trở.

Tuổi 74 và 75.

Tuổi 74 ứng cung Hữu Di-cốt ghi số 53. Tuổi 75 ứng cung Tả Di-cốt ghi số 64. Hai cung này nằm hai bên má, nơi răng Hàm. Nếu tuổi già, mà cung này đầy đặn, vì như « Má lúm đồng tiền », là gia đình khang thái. Già mà rụng răng rồi thì hai bên má tất nhiên phải lõm, nhưng chẳng nên nghiêng lệch, méo mó, phạm vào nét này, lại trở thêm màu vàng hoe, hay là đen tối, ắt có tai ương.

Tuổi 76 cho tới tuổi 100...

Ứng vào nét da, tiếng nói và cử chỉ. Nếu da trở

màu đời mồi, tiếng nói không run rẩy, cử chỉ còn minh bạch, là thọ trường. Ngược lại tánh nét thay đổi, lắt lộn, màu da lại có vẻ nhợt nhạt, trắng bệch, hoặc trở màu tối om, nét mặt trông tượng coi hình như méo mó là điềm gỡ tới nơi.

Coi qua cung vận-hạn một đời người hiện lên trên nét mặt, theo từ giai đoạn tốt xấu, bây giờ chúng ta chiêm nghiệm về các bộ phận, cơ thể con người, để tìm hiểu thế nào là thọ, yếu, phú, bần, quý, tiện, theo các mục tiết trình bày, kế tiếp.

CHƯƠNG NHỊ

- I. Trống thọ.**
- II. Trống yêu.**
- III. Trống phủ quý.**
- IV. Trống bàn tiện.**

Chương nhì bàn về tướng Thọ, Yếu, Quý, Tiễn và Phú, Bản, đều được xuất hiện trên nét mặt, hoặc ẩn tàng nơi thân thể như sau :

I.— TƯỚNG THỌ

- 1— Tai thật dày và trán thật cao, hoặc thấp mà vuông vắn.
- 2— Hai chân mày mọc dài vượt ra khỏi đuôi con mắt.
- 3— Trong lỗ tai có mọc lông.
- 4— Hai bên thùy châu của tai chầu vào hai bên miệng.
- 5— Mũi cao và buồng thẳng xuống như buồng mật treo không vắn vẹo.
- 6— Tiếng nói oang oang, rõ ràng, trong trẻo, không ngập ngừng.
- 7— Đi đại tiện lâu và rần, tiểu tiện phát ra nhiều tia.
- 8— Lỗ hậu môn (lỗ đít) có mọc mấy cọng lông.
- 9— Ngủ không mở mắt, hơi thở phì phò, sáng khoái.
- 10— Tính hạnh ôn hòa, không xui nguyên, giục bị.
- 11— Cổ ngay ngắn, có nọng ở phía gần vai, không giống cổ Cò và không lộ hầu.
- 12— Da đầu thừa thãi, nhăn nheo, không bị căng thẳng.

13— Xương hai bên gò má vượt khỏi mái tóc. (Lương quyền cao).

14— Mắt sáng và trong. Con ngươi đen kịt như sơn, không lơ dờ mà cũng không lơ lảo.

15— Đẳng sau gáy có Trầm, là khúc xương mọc ngang nổi cục như bàn tay úp.

16— Răng đầy đủ 32 chiếc, ngay ngắn không thừa thớt và không nhọn như răng chuột.

17— Lưng dài rộng và đầy đặn, không có rãnh.

18— Đi đứng vững vàng, tề chỉnh, không ngả nghiêng như say rượu, không lúi như con Quóc.

19— Ăn uống chẳng vội vàng, hấp tấp.

20— Khi hờn giận thì nét mặt phùng phùng, nhưng chẳng tái xanh, run sợ. Vững thần khí.

II.— TƯỚNG YẾU

Tướng yếu là tướng chết non, hiện ra những điềm như sau :

1— Tiếng nói ngập ngừng, đứt quãng. Chưa nói đã thở như kẻ thiếu hơi.

2— Chưa nói đã đổi sắc mặt. Mặt thường tái xanh, làm ra bộ ngờ ngờ, ngáo ngáo.

3— Sắc diện như hoa Đào, nũng nịu, e thẹn như kiêu cách đàn bà.

4— Tiếng nói thất thanh, khi thì ồ ề, re re như lệnh vỡ, lúc li nhí như tiếng yến oanh.

5— Thân thể dài rộng, nhưng lưng lại ngắn và mỏng, giữa sống lưng có rãnh sâu.

6— Người nhỏ thó mà chân lại to. Người cao lớn mà lưng lại mềm như bún.

7— Đi đứng chảng vững vàng, giống như se sẻ nhảy, ngả nghiêng, chúi đầu, vung vẩy.

8— Thân thể mập mạp mà da lại căng như mặt trống.

9— Chân mày mọc thấp trùm mí mắt. Trán thấp, hẹp và nhọn hoắt.

10— Mũi mềm nhũn như không có xương, hoặc sơn 'căn bị gãy, đầu mũi lép và nhọn mỏ chim.

11— Minh thì to mà đầu thì nhỏ như gạo dĩa, cò ngẩng và lộ hầu.

12— Ngủ mở mắt, há miệng, hai chân duỗi thẳng, ngửa mặt như xác chết.

13— Mặt mũi lúc nào cũng hình như bám tro bụi, sắc mặt tối đen.

14— Mồ hôi tanh như Nhái, tay hôi, miệng thúi, mặc dầu rửa ráy luôn luôn cũng vậy.

15— Mắt vàng như nghệ, hoặc con ngươi quá nhỏ, lộ trắng như hoa Sở (trắng bệch).

16— Lỗ dit rỗng tuyền, chẳng có lông.

17— Trừ đầu tóc ra, trong mình không có lấy một cọng lông tơ. Trơn lu như heo cạo.

18— Đại tiện và tiểu tiện cùng một lúc, không phân biệt trước sau và lại rất nhanh.

19— Khi nổi giận, mặt tái xanh, thần khí lơ lảo.

20— Chưa nói đã liếm mép, mắt ngó tứ phương, nghiêng đầu, rụt cổ, nhướng chân mày.

21— Răng thưa, môi mỏng, lưỡi nhỏ và nhọn, lại trở màu vàng khè.

III.— TƯỚNG PHÚ QUÝ

Những nét ghi tướng Giàu (Phú) và sang (Quý), tất nhiên đã Phú là có Quý, mà đã Quý, ắt phải Phú không nhiều thì ít. Ta thường chê bai những người Giàu mà ít tấm lòng rộng rãi là Phú tọc, thật tình thì trong gia đình họ cũng rất nhiều khi con cái làm nên danh giá đỉnh chung, được mô tả như sau :

1— Tam đình đầy đặn và ngũ nhạc hướng tiền đều là tướng quý hiển, có nghĩa là vàng Trán cao rộng (thượng đình), mũi lớn và ngay, hai xương gò má nở nang (trung đình), cằm tròn, miệng rộng, môi dày và tươi sáng, nhân trung ngay ngắn, có rãnh sâu và thâm thâm (hạ đình). Phẳng phất tam đình dài ngắn đều như nhau, từ trên tới dưới không khuyết hãm. Xét tới ngũ nhạc, ứng vào ngũ hành như trên đã giải thích, đều hướng về phía mũi, không thiên lệch.

2— Tiếng nói oang oang và rõ ràng, không lưu lưu.

3— Dáng điệu hiển ngang, đi vững như thành đồng, ngồi vững như trái núi.

4— Cốt cách dịu dàng, thanh nhã.

5— Hay tha thứ người lầm lỡ.

6— Lỗ tai đứt lọt ngón tay là tướng rất hiển vinh.

7— Miệng rộng như chữ tứ (hình chữ nhật nằm ngang), hai đầu mép hơi vượt lên.

8— Miệng lớn nằm tay đứt lọt vào là đại quý.

9— Môi tươi từ trẻ cho tới tuổi già.

10— Con người đen nhánh như sơn và chân mày mọc cao, dài rộng.

11— Lưng dài hơn tay chân và đầy đặn.

12— Chân tay và hai tai trắng hơn nét mặt.

13— Ngủ ưa gối đầu cao và hay nằm nghiêng.

IV.— TƯỚNG BẦN TIỆN

Tướng bần tiện có nghĩa là nghèo hèn, có khi giàu mà cũng chẳng nên tính cách con người, đều ứng theo những nét như sau :

1— Đầu nhỏ như sọ Dừa, mà thân thể lại cao lớn lêu nghêu.

2— Cổ cao hình như không có xương gáy, không mang nổi đầu, thành ra lắc lắc, lư lư.

3 — Chân tay xù xì, các đầu ngón hình như cái dùi đục.

4 — Địa các (xương cằm) nhọn hoắt và nét mặt khô rang, không bao giờ có mồ hôi bóng.

5 — Mặt trắng như vôi, hoặc xám như màu tro.

6 — Môi nhọn, hoặc chum chúm như thồi lửa và lưỡi nhỏ như lưỡi rắn.

7 — Mặt coi thì to, nhưng mỏng (lép), vai so tới cổ, chân mày thấp, trông con người trắng hiếp cả con người, hoặc trông trắng trẻo màu vàng như nghệ.

8 — Tai tuy to nhưng không có thành quách, có nghĩa là giống như tai chuột, tròn lu.

9 — Thân thể đầy đà, nhưng mặt choắt (nhỏ). Lưu ý điểm này là đầu chỉ to phía sau, nhưng phía trước lại nhỏ, thành ra phá tướng.

10 — Trông đi lau chau, hoặc nhảy nhót như chim se sẻ.

11 — Đi hay cúi đầu và liếc ngang, coi bộ tịch lằm lằm.

12 — Đi không vững vàng hình như muốn té.

13 — Cười nói nhe răng như răng heo, chó.

14 — Răng trắng bệch không có men óng ánh.

15 — Mũi to nhưng gãy khúc và lệch lạc.

16 — Không râu, không ria, hoặc ria như ngạnh cá Tré, hoặc râu vàng như râu Ngò (Bắp).

17 — Ria bị phân tu. Có nghĩa là tại nhân trung chẳng có ria.

18 — Bàn tay ráp như có cát dính, hoặc hôi hám, hoặc tối đen, hoặc vàng khè.

19 — Ngủ ưa thở dài, chép miệng, há mồm.

20 — Ăn uống vội vàng, nấc cục (nghẹn).

21 — Chưa ăn đã sợ mất phần, mắt ngó láo liên, nhai nuốt như heo, chó.

CHƯƠNG BA

- I. Trống hung ác.**
- II. Trống cô độc, (khắc vợ, khắc con, hoặc chịu hoàn cảnh hãm hiu).**

Chương ba, ngoài những nét tướng Thọ, Yếu, Phú Bản, Quý Tiện, còn những nét ứng về tướng Hung ác, có độc, (khắc vợ, khắc con) như sau :

I.— TƯỚNG HUNG ÁC

1— Mắt đỏ, con người màu vàng vàng, là kẻ gian phi, giặc cướp.

2— Mắt lồi ra tròn như mắt Ong và tiếng nói như loài Rắn phun phì phì là gian ác, hại người không gớm tay. Có nghĩa là nói xúi bọt mép.

3— Mũi nhọn như mỏ chim Ưng, lại thêm hai bên xương gò má chảy xuống, là tướng gian xảo, hung đồ.

4— Mắt giống như mắt Gà, là tướng ưa tranh đấu, giành giật, ích kỷ hại nhân.

5— Mắt như Chó Sói, là tướng gian dâm, tàn ác, ưa chuyện thị phi.

6— Các đầu ngón tay lớn thành cục như đầu Rắn, là kẻ giết người không gớm tay, tham dâm, tàn ác.

7— Nói chuyện với người không thêm đối diện, ngó đi chỗ khác và ưa liếc ngang, là kẻ tham tàn.

8— Nói chuyện với người, ưa ngó láo liên, nhâng nháo là kẻ gian manh.

9— Chưa nói đã cười hô hố và chân mày dựng lên buồng xuống có nhịp, là kẻ tà dâm.

10— Hay nhìn trộm (ngó lên), làm bộ tỉnh như không, là kẻ thâm độc vô cùng.

11— Nói chuyện với người ưa cướp lời và tỏ ra tức giận, liếm môi là tướng hung hăng.

12— Đi đứng ưa khuynh tay ngại, trợn ngực, hất đầu, vênh mặt là kẻ ưa gây gổ, hung ác.

13— Đầu phè ra như đầu rắn, có nghĩa là phía trên đầu nhọn lép và mắt long lanh như mắt Chuột, là kẻ ưa lấy của người làm của mình, hung ác, phản bạn, lừa thầy.

14— Con người nhỏ và tròn trắng bọc cả phía trên con người, chỉ thấy chấm đen phía dưới, là tướng người phản phúc, hại người như chơi, tham dâm vô hạn.

15— Nói chuyện với người, cười không nhếch mép, có nghĩa là cười Ruồi, là kẻ rất nên nham hiểm.

II.— TƯỚNG CÔ ĐỘC

Những nét hiện trên nét mặt cũng như bộ phận thân thể có những nét nghịch với tướng phước hậu, đều là tướng cô độc. Tướng này không khắc vợ, thì cũng khắc con, hoặc một đời chịu cảnh hẩm hiu như sau:

1— Đầu thì lớn mà mặt lại nhọn, hoặc giả đầu nhọn và mặt lép.

2— Trán tuy cao nhưng lép nhọn, hoặc trán nổi lên ba vằn ngang ngòong ngòeo.

3— Hai chân mày hình chữ Bát, có nghĩa là phía đầu mày cao và phía đuôi cúp xuống.

4— Chân mày nặng trĩu đè cả mắt, lại có nhiều thờ năm ngang, hoặc mọc nghịch chiều.

5— Chân mày mọc cong như cánh cung, hoặc phía trong chân mày có nốt Ruồi.

6— Chân mày mọc quá thừa và tóc mai cũng mọc thừa.

7— Ngọa tâm tối đen và lõm, lại có vằn buồng xuống xòe ra như đuôi Cá.

8— Mắt sâu và tối om, con người lại trở màu vàng, hoặc mắt hau háu như mắt Rắn.

9— Mắt Ngựa, con người nhỏ và giống như mắt Chuột.

10— Dưới phía mắt có mọc nhiều lông như lông Cây (lông Ba khía).

11— Nơi Ấn đường, phía giữa đầu hai chân mày thấp, mà lại có ba vằn dọc như chữ Xuyên.

12— Thiên thương mọc vằn, khắc hại năm lần vợ. Cung Thiên thương nằm phía dưới đuôi con mắt. Mỗi vằn nổi lên buồng xuống gò má là khắc vợ một lần và v.v...

13— Nơi Gian môn tối đen và mọc lông, hoặc có nốt Ruồi, hoặc có vằn ngang buồng xuống. Cung Gian môn ở ngay đuôi con mắt phía trên cung Thiên thương.

14— Mũi như ngọn núi đứng một mình, gọi là « Tì khởi độc phong », có nghĩa là mũi lớn nhưng trán lép, cằm nhọn, tai chuột và hai gò má không có xương.

15— Trên mũi nổi sơn căn có vằn ngang là cơ khổ lúc thiếu thời, nếu sơn căn gãy gập và mỏng hẹp thì cô độc.

16— Niền thượng nơi giữa sống mũi, hoặc Niền thọ gần đầu mũi có vằn ngang thì khắc vợ. Mỗi vằn khắc một người.

17— Mắt bên Trái nhỏ hơn mắt bên Phải và trông trắng con mắt phía trên vàng vàng.

18— Phía dưới con mắt có nổi lên hình như chữ Thập, là vợ bị chết oan.

19— Hai bên xương gò má mọc cao hất lên như trái núi, che lấp cả hai con mắt.

20 — Miệng như thồi lửa « Khẩu như xuy hỏa », hoặc chúm chúm như miệng Thiên lôi.

21 — Nơi góc miệng nổi nhiều vằn như đuôi cá.

22 — Hai làn môi mặc dầu tươi đỏ, nhưng không có vằn, không có khía, coi trơn bóng.

23 — Đường rãnh của Nhân trung cạn, hoặc trơn lu, phẳng lì, hoặc quá ngắn.

24 — Râu ria vàng khè, hoặc Râu mọc nhiều nhưng Mũi lại quá nhỏ.

24bis— Ria mọc chia ra như đuôi chim Én, như Râu cá Trê, hoặc Râu thẳng như chiếc đũa, không vằn vít với nhau.

25 — Hai tai không có thành quách, phẳng lì như tai Chuột.

26 — Da mặt đỏ như vỏ Cam, hoặc trắng như Phấn, hoặc da mặt nổi nhiều gân, nhiều vằn.

27 — Xương cổ tay tròn như cổ tay đàn bà.

28 — Gót cẳng lép hình như không có xương bè ra.

29 — Đầu vú trắng bệch, hoặc quá nhỏ và buông xuống.

30 — Dương vật (của kìn) không có lông, hoặc có má mọc nghịch.

31 — Dương vật quá lớn và quá dài.

32 — Âm nang trễ xuống lại không có vằn, có nghĩa là hai trứng chim đỏ mỏng, chảy xuống coi nặng nề và trơn lu.

33 — Thịt nhẽo như bùn, hoặc trơn như mỡ, hoặc thịt lạnh như đồng.

34 — Thịt xông lên hơi khét như mồ hôi ngựa, hoặc hôi hám khó ngửi. (Điều này chẳng nên làm với người hôi nách, người hôi nách lại rất nhiều con).

35 — Tiếng nói lưng chừng, ấp a, ấp úng.

36 — Đi đứng nghiêng lệch, hoặc lui lủi như kẻ trộm.

37 — Ngồi không vững chạc và hay bó gối, hai đầu gối quá mang tai.

38 — Ngủ ra co quắp, hai tay ôm cứng lấy đầu.

39 — Ăn uống lèm nhèm, như chuột gặm, như heo, chó.

40 — Nói chuyện khít khao chẳng hở răng. Hàm răng khít rịt.

41 — Đại tiện, hoặc tiểu tiện quá mau, hoặc tỏ ra khó khăn, thờ ỉ à ỉ ạch.

CHƯƠNG BỐN

I. Luận về Nốt Ruồi.

a) — Nốt Ruồi mọc trên nét mặt.
(Gồm 30 loại Nốt Ruồi chính).

b) — Nốt Ruồi mọc trong mình (thân thể).

II. Chỉ Điểm diện đồ (Nốt Ruồi mọc trên hình nét mặt làm thí dụ).

I.— LUẬN VỀ NỐT RUỒI

Nốt Ruồi gọi là chí. Nốt Ban gọi là Điềm.

Nốt Ruồi hay nốt Ban, nếu Đỏ thì Quý, nếu Xanh, hoặc Đen thì tốt vừa vừa. Nốt Ruồi có mọc lông, là tướng người có tính nóng và gan dạ.

Nốt Ruồi mọc chỗ kín đáo và hợp cách thì rất quý. Mọc ở trên mặt thì phần nhiều ít lợi. Phần nhiều mọc trên chân mày đều tốt lành, ứng về phú quý. Bây giờ chúng ta đi vào chi tiết như sau : chiếu theo con số ghi để dễ nhận chân :

a) Nốt ruồi mọc trên mặt :

- 1— Chính giữa trán tại cung Thiên Trung, khắc Cha Mẹ, vợ con, công danh lận đận.
- 2— Mọc tại cung Quan Môn, đề phòng thù dữ, đi xa bất lợi, có thể chết dọc đường.
- 3— Mọc tại cung Dịch mã, thì đề phòng nạn đao binh, cung này ở dưới Xích dương.
- 4— Nếu mọc tại cung Xích dương, thì giàu có lớn lao, cung này ở bên trái trán.
- 5— Nốt Ruồi mọc tại mắt bên trái gọi là Nhật chí, nếu ở mí trên mắt thì phú quý, mọc phía dưới dưới mắt thì an nhàn, vui vẻ. Mọc tại trong con mắt, thì khôn ngoan và bốn ba, lao碌.

Nốt Ruồi mọc tại bên mắt phải, gọi là Nguyệt chí. Trên mí mắt thì đại phú. Mọc dưới con mắt gần Ngọa

tâm, gọi là cung Lệ đường, thì khắc Vợ. Mọc dưới đuôi con mắt, thì khắc con. Mọc tại đầu con mắt, gần nơi sống mũi, (sơn căn), thì khắc Mẹ, Cha, hoặc người thân thuộc (anh chị em).

6 — Tại cung Thần môn, dưới đuôi chân mày, mọc nốt Ruồi thì gặp nạn binh đao.

7 — Nốt Ruồi tại cung Ngư vĩ, phía dưới đuôi con mắt Tả hoặc Hữu đều khắc vợ.

8 — Nếu mọc tại cung Mệnh môn, nằm ngay cửa tai, là tướng gặp nạn hỏa tai.

9 — Mọc tại Màng tang, nơi Thái dương, bất kể phía nào, đều hòa thuận trong gia đình.

10 — Mọc phía trên vành hai bên tai, tại cung Thông minh, thì tốt đẹp, an vui.

11 — Cung Thanh lộ nằm ở giáp tóc mai, ngang với đuôi chân mày, có nốt Ruồi, là tướng chết nơi đất khách.

12 — Mọc ở giữa hai vành tai, nơi Trung nhĩ, là lảm tai ương và bệnh hoạn.

13 — Mọc tại rái tai bên trái, gọi là cung Tả thùy châu, thì rất thông minh.

14 — Nếu mọc ở rái tai bên phải, là cung Hữu thùy châu, là tướng người hiếu thảo.

15 — Tại cung Tam dương, phía mí trên con mắt trái, kể từ giữa tới đuôi mắt có nốt ruồi, thì tuy rằng phú quý, nhưng khắc con trai.

16 — Tại cung Tam âm, phía mí trên con mắt phải,

cũng kể từ chính giữa tới phía đuôi, nếu mọc nốt Ruồi, thì giàu sang, nhưng khắc hại con gái.

17 — Giáp đuôi con mắt chạy ra cung Ngư vĩ, gọi là Ngoại ngư vĩ, nếu mọc nốt ruồi, là kẻ ham mê sắc dục. Cung này ngang với cung Trung nhĩ, ghi số 12.

18 — Giữa sống mũi, tại đầu hai con mắt, gọi là Sơn căn, nếu mọc nốt Ruồi, là khắc vợ.

19 — Ngay giữa Ấn đường, phía trên Sơn căn, có nốt Ruồi là tướng người khắc Mẹ.

20 — Dưới Sơn căn là cung Niên thượng, có nốt Ruồi, là tướng nghèo nàn và khắc vợ, con.

21 — Phía dưới niên thượng, là cung Thọ thượng, giáp Chuẩn đầu (đầu mũi), có nốt Ruồi, là tướng người nghèo khổ, đói khát và lảm gian nan, tù tội.

22 — Nốt Ruồi mọc ngay đầu lỗ mũi, gọi là cung Chuẩn đầu, là gặp nạn gươm đao.

23 — Tại Nhân trung, giữa môi trên, có mọc nốt Ruồi, là tướng lảm con trai. Nếu mọc nhích xuống giữa nhân trung, thì dễ lấy vợ, nhưng hiếm con. Mọc xuống gần môi trên, thì nhiều con gái.

24 — Má bên trái, chỗ rái tai chạy ra, gọi là cung Tả Phụ nhĩ, có nốt Ruồi thì khắc con cái, nếu mọc bên Hữu phụ nhĩ (phía má bên phải, là tướng ghen tuông, bại hoại gia đình).

25 — Lưỡng quyền là hai xương gò má, nếu bên phải có nốt ruồi, ắt gặp họa binh đao, mọc bên phía trái, thì mất uy quyền, có thể đi tới họa sát thân.

26 — Cung Thủy tinh ứng vào cái miệng. Nốt ruồi mọc tại môi trên, là tướng dễ kiếm miếng ăn. Mọc tại môi dưới, là người phá sản. Mọc ngay chính giữa bất cứ môi nào, đều là tướng ăn tục, nói càn, chiêu tai họa. Mọc tại hai bên mép, là tướng ham ăn, coi tiền của như rác. Nếu mọc ở dưới cung Đình úy, phía dưới đầu mũi bên phải, gần môi trên, là gặp nguy về sông nước. Mọc dưới cung Giám thai, dưới đầu mũi bên trái, là hay chiêu hoạn nạn vào thân. Nốt ruồi mọc trong lưỡi, là tướng người ăn tục, nói càn, tuyên bố huênh hoang.

27 — Nốt ruồi mọc phía trên cằm, gần môi dưới, gọi là cung Thừa trưng, là lắm tai ương.

28 — Phía dưới hai bên mép có nốt ruồi, là người nay đây, mai đó, hay ra bán nhà, bán cửa, cung này gọi là Tô trạch.

29 — Tại cung Nô bộc, giáp với Địa khổ, gọi là Quai hàm, nếu mọc nốt Ruồi, là tướng ít bạn bè và gặp phải kẻ lừa thầy, phản bạn.

30 — Ngay cạnh hai bên đầu Địa các, gọi là cung Phi tri, mọc nốt Ruồi, đề phòng tai họa nơi sông nước.

Nếu mọc ngay chính giữa Địa các, thì là tướng phá tán ruộng vườn, đủ ăn, đủ mặc. Địa các là Cằm.

b) Nốt ruồi mọc tại thân thể.

Những loại nốt Ruồi này thường gọi là Ấn Chi, nổi lên rõ ràng, nhưng kín đáo, khác với nốt Ban (điểm). Nốt Ban thì mọc chẳng rõ ràng, lấm tẩm không thành hình thể nốt Ruồi. Chúng ta cần lưu ý những nốt Ruồi như sau :

Nốt Ruồi mọc chính giữa cổ, là tướng rất nên quý hiển. Thời xưa gọi là tróc Hầu, tróc Bá, thời nay có thể tạm ghi là Thủ tướng, hoặc Tướng soái, hoặc ít nhất cũng là Tỉnh Trưởng. Mọc bên trái cổ là tướng giàu. Mọc bên phải cổ, là tướng sang.

Nốt Ruồi mọc đằng sau gáy, là tướng người quá khôn ngoan, thành gian xảo và có thể là tướng chết đường, mất xác.

Nốt Ruồi mọc ở hai bên nách, đều là tướng người giàu sang, biết cần kiệm tiền tài. Nốt Ruồi ở hai vú, nếu mọc giữa vú, là tướng người phước hậu, sống lâu, mọc phía trên bất cứ vú nào thì lắm con, nhưng gái lại nhiều hơn. Mọc phía dưới vú, thì giàu tiền bạc. Mọc ở vú bất kể trên dưới mà có lông, là tướng người quân tử, anh hùng.

Nốt Ruồi mọc tại yết hầu, là tướng giàu sang. Nếu mọc phía dưới yết hầu là tướng bình thường, nhưng được cảnh phong lưu. Lưu ý điểm này, nốt Ruồi mọc trên cổ từ phía Yết hầu càng trở lên tới gần cằm càng quý, như đã giải ở trên.

Nốt Ruồi mọc hai bên vai, bất cứ bên nào, đều là người có chức quyền.

Nốt Ruồi ở Tâm oa, thường gọi là Mỏ ác, nơi linh huyết, là tướng quyền uy rực rỡ.

Nốt Ruồi mọc ở bàn tay, là tướng khôn ngoan. Mọc giữa bàn tay nào cũng giàu sang. Ta thường nói là « Chưởng thượng minh châu » ám chỉ bàn tay nắm hạt châu.

Nốt Ruồi mọc ở hai bàn chân, nếu tại ngón chân cái, là tướng nhiều tài lộc.

Ở ngay giữa gan bàn chân, bất cứ bên nào, có nốt Ruồi, đều là người chức quyền rất nên cao trọng.

Tại nơi sinh thực khí, (ngọc hành) nếu mọc nốt Ruồi, ắt sanh con cao quý.

Nếu mọc ở Tước noãn, (có nghĩa là Trứng chim sẻ, hoặc cái Bìu), là tướng khắc hại vợ con lúc ban đầu. Người nào đã khắc vợ con một lần rồi, thì trở nên phú quý.

Nốt Ruồi mọc ở hai bên bẹn, gần sinh thực khí, là tướng giàu sang.

Mọc ngay Rún, là người phước thọ.

Mọc ở bụng, hoặc dưới bụng, đều là tướng thông minh, phước thọ.

Chính giữa xương sống, mọc nốt Ruồi thì trở nên đại phú, sống lâu.

Cuối xương sống, mọc nốt Ruồi là người hưởng thọ lâu dài, đông con nhiều cháu.

Ngay cổ tay, bất cứ bên nào, mọc nốt Ruồi, là tướng thông minh, sang cả.

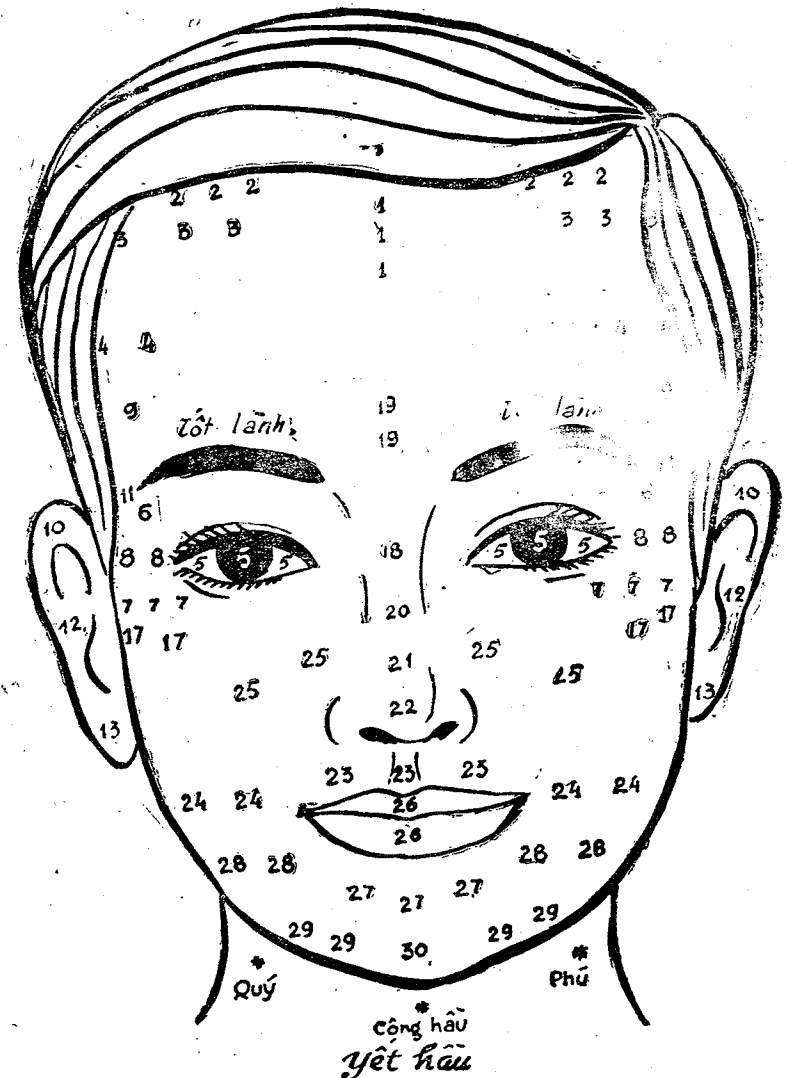
Ngay nơi Hậu môn, (lỗ đít) có nốt Ruồi, là người thuật sĩ, thầy cúng, thầy phù thủy.

— Nốt Ruồi mọc lên có thể nói là thiên hình, vạn trạng, nhưng phần nhiều đều ứng vào những nét chính ghi trên. Coi chỉ điểm diện đồ.

..

II.- CHỈ ĐIỂM DIỆN ĐỒ

(Những nốt Ruồi mọc trên nét mặt, ứng lãnh dữ ghi theo con số, phù hợp với lời giải thích).

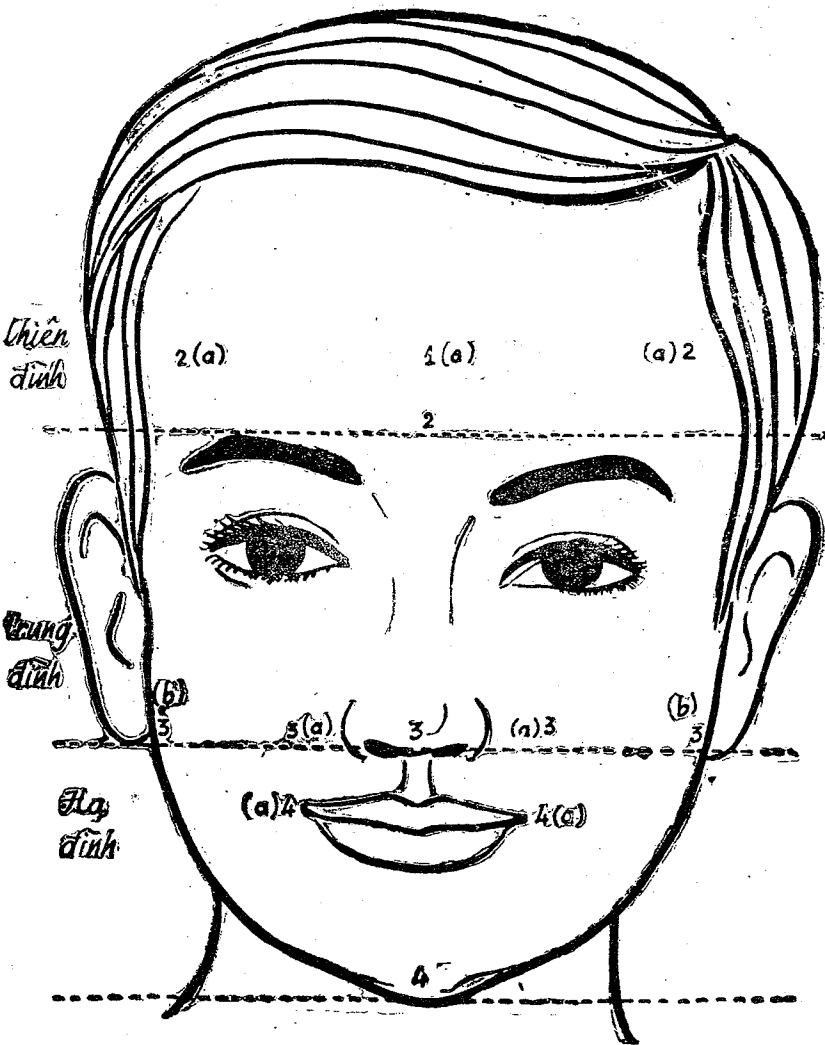


CHƯƠNG NĂM

I — Tam đình đẳng diện hình liệt đồ.
(Ba đình phân tách trên nét mặt.)

II — Luận tam đình.

- 1) Thượng đình.
- 2) Trung đình.
- 3) Hạ đình.



I. - TAM ĐÌNH ĐẲNG DIỆN HÌNH LIỆT ĐỒ

Hình ghi ba Đình phân tách trên nét mặt người ta như sau :

a) Thiên Đình từ đỉnh trán xuống Ấn đường ghi số 1 đến số 2.

b) Trung đình từ Ấn đường tới đầu Mũi (Chuẩn đầu) ghi số 2 đến số 3.

c) Hạ đình từ Chuẩn đầu tới Cằm (Địa các) ghi từ số 3 đến số 4.

Lưu ý quý vị : Những con số nằm ngang trên nét mặt như số 2 ở hai bên trán và những con số 3 ở xương Gò má đến măng tai, cũng như con số 4 ở hai bên Miệng, đều ứng theo tuần vận. Chúng ta coi giải thích rõ ràng ở trang kế tiếp.

II. — LUẬN TAM ĐÌNH

Theo như diện hình nơi trang bên có ghi ba phần riêng biệt là Thượng đình, Trung đình và Hạ đình. Nay thử đo chiều dài và chiều ngang của mỗi Đình để luận sang giàu.

1) Thượng đình :

Đo bằng sợi dây từ đỉnh trán ghi số 1 tới Ấn đường ghi số 2 coi dài được bao nhiêu, để biết chiều cao của trán. Rồi đo từ số 1 (a) qua hai bên cạnh trán giáp với chân tóc để coi mỗi bên có đồng đều với chiều cao của trán, hay dài ngắn khác nhau. Phần nhiều những tướng người sang trọng, giàu có lớn lao, đều có vầng trán thẳng bằng mà ta thường nói là « Trán cao và nở nang như bức tường đứng thẳng ». (Ngạch như bích lập.)

Nếu trán cao mà hai bên lại ngắn, gọi là trán lép, tướng người tuy rằng thông minh và thẳng thắn, nhưng lận đận, cơ khổ buổi thiếu thời. Trán lép bên trái là khắc Cha, nếu lép bên phải là khắc Mẹ. Hai bên đều nhọn hoắt là tướng mồ côi. Trán thấp lè tè là kẻ thiếu thông minh, nếu thấp mà sáng sủa, hai bên rộng hơn chiều cao thì nghèo lúc tuổi xanh, nhưng là người khí tiết, về già lại hưởng cảnh thanh nhàn.

2) Trung đình :

③ Kể từ số 2 nơi Ấn đường, phía giữa hai đầu chân mày chạy xuống tới đầu lỗ mũi ghi số 3 là nơi Chuẩn

đầu, nếu thườn thườn như ống trúc không có gợn sóng và không chia ra từng đốt như sống lưng trâu, đầu lỗ mũi nở nang tròn trĩnh như trái mật treo, đều là tướng người phú quý, vinh hoa.

Lại đo từ giữa đầu mũi ghi số 3 ra hai bên đầu xương gò má ghi số 3 (a) coi có dài bằng Trung đình hay ngắn hơn. Xương hai gò má này cần phải đứng song song với hai đầu lỗ mũi, là tướng cô đơn, khắc vợ và còn là tướng người nham hiểm, ích kỷ hại nhân. Nếu xương gò má thấp hơn đầu lỗ mũi, là tướng người trung thực, nhưng kém trí thông minh, hay bị người cài đặt.

Kể đó lại đo từ hai đầu xương gò má tới hai bên mang tai (cửa lỗ tai), nếu thẳng bằng với số 3 (a) và 3 (b), đến chiều cao của Trung đình, là hợp cách, tướng hưởng giàu sang cao quý. Đối chiếu với Thượng đình thấy rằng dài rộng như nhau, nét mặt thành ra vuông vắn, đầy đặn. Ngược lại Thượng đình cao rộng mà Trung đình ngắn hẹp trở thành nét mặt voi và mỏng. Dã voi và mỏng ắt là tướng người lao碌, khó nghèo.

3) Hạ đình.

Tính từ đầu lỗ mũi ghi số 3 chạy xuống tới đầu Cằm ghi số 4 là Hạ đình. Cung này cũng cần phải thẳng bằng với Thượng đình và Trung đình mới thật là tướng « Phú quý song toàn kiêm thọ khảo », đông con nhiều cháu. Xét như thế thấy rằng Tam đình đều dài rộng như nhau. Muốn rõ tướng này về uy quyền, thì đo cái miệng từ trái qua phải, hoặc ngược lại, theo số ghi 4 (a), nếu dài

bằng Hạ đình, thì đại quý. Người ta thường nói miệng rộng đứt lợt năm tay, hoặc giả « Miệng như chữ Tứ » là vậy. Nếu Tam đình đều nở nang như nhau, mà miệng tương đương nhỏ hơn chút đỉnh là tướng đứng vào hàng Trung cách, miệng lại bị nhỏ quá coi không tương xứng với nét mặt, là tướng Phá cách, tuy giàu sang, nhưng hay bị khinh khi, nói ít kẻ muốn nghe, bản không người cỡ võ, có nghĩa là ít quyền hành.

Tam đình trên nét mặt cần nhất là cao bằng nhau, còn chiều ngang chỉ cần tương xứng, một tám, một mười là tướng có nét mặt trái soan, hình bầu dục. Nếu chiều ngang của Tam đình cùng rộng mà chiều cao lại kém, là tướng người mặt ngắn như mặt Vượn, cũng gọi là quý, vì chiều rộng bằng nhau. Sợ nhất là cao và rộng của Tam đình lộn xộn, không đều, lại thêm lệch lạc, méo mó là tướng bất thành nhân, không chết Yếu thì cũng ấu mày. Không ăn mày thì cũng được bữa sớm, lo bữa tối, đói rách suốt đời.

Thượng đình ứng về tiền vận, Trung đình ứng về tuổi Trung niên từ 40 tới 60. Còn Hạ đình ứng về hậu vận. Tuổi từ 60 trở về già nếu tốt đẹp mới quý hơn tiền vận và trung vận.

CHƯƠNG SÁU

Luận về tướng của mỗi bộ phận con người trên nét mặt

- I. Tướng trán.
- II. Tướng mắt.
- III. Tướng mũi.
- IV. Tướng miệng.
- V. Tướng tai

I.— TƯƠNG TRÁN

Như đã giải thích nhiều điểm về trán ở các đoạn trên, nếu cao và rộng thì sang và giàu, ngược lại thấp hãm, hẹp hơi, nghiêng lệch, ắt không nghèo, thì cũng yếu vong. Bây giờ cần xét tới các nét văn hiện trên vàng trán như sau :

1— Trán có ba nét văn chạy song song theo chiều ngang trên trán, lại thêm nét sỏ ở giữa, hình như chữ Vương (王) là tướng làm tới tước Công, hầu, khanh, tướng.

2— Trán có văn giống như chữ Sơn (山) là tướng người phước thọ, công danh phát đạt.

3— Trán có nét văn giống như chữ Nhâm (壬) tựa tựa như chữ Vương, vì nét ở trên hơi nghiêng lệch, là tướng người hưởng thọ lâu dài và sớm có công danh.

4— Trán có văn như chữ Thập (十) một nét chạy ngang từ trái qua phải và một nét từ Ấn đường thẳng lên tới Thiên trung, gần chân tóc đỉnh đầu, là tướng giàu và nhân hậu.

5— Trán có văn hình chữ Tỉnh (井) tựa tựa như hai chữ Thập dính liền, là tướng rất quý hiển, nhưng góa vợ lúc ban đầu.

6— Trán có văn như chữ Xuyên (川) ba nét chạy thẳng băng, từ Ấn đường lên giữa trán là tướng người hào hùng, nhưng lắm gian truân, hay bị người đố kỵ.

7— Trán hình như chữ Tam (三) ba nét chạy ngang từ trái qua phải đều nhau, hơi có đuôi vượt lên là tướng người rất thông minh, khéo giao thiệp và hay gặp điều may. Nếu chữ Tam này lại bị phía đuôi cong xuống (≡) là tướng người ham dâm, nay vợ này, mai vợ khác, nếu không thì cô độc suốt đời. Nhược bằng chạy thẳng bằng (≡) cũng hại có thể chết một cách gớm ghê, không vợ, không con.

8— Trán có nét văn như chữ Nữ (女) giống như hai chữ V úp lệch, là tướng giàu sang.

9— Trán có văn như chữ Điền (田) là tướng có quyền uy, lại thêm giàu của, giàu con. Nét văn chữ Điền này là chữ Vương (王) nhưng hai bên cạnh trán có thêm hai nét văn chạy từ cuối hai chân mày ngược lên hai bên đỉnh trán, không cần phải khít với nhau.

Ngoài những nét văn quý hiển hiện lên trên vầng trán, còn có những nét văn rất độc địa như sau :

1) Văn hiện lên trên trán thành ba nét ngắn lệch lạc không thành ngang thành dọc, gọi là văn « ba chấm thủy » (;) là tướng chết về nghiệp gươm đao, vì vạ miệng. Nói một cách khác là tướng người ưa leo mép, giỏi về biện luận. Tướng người này khi bắt đầu nói đã nhướn chân mày, rồi nổi lên những nét văn như vậy.

2— Trán có nét văn như chữ Chủ (主) Chủ là cái Thìa, cái Muỗng, hình này giống như chữ V có dấu Sắc trên đầu, là người hay khoe khoang, đặc chí và cậy quyền, cậy thế áp đảo con người. Nét văn này ứng về kẻ sớm công danh, nhưng lại mau tàn.

3— Trán có nhiều nét văn như chữ Tam, hoặc chữ Nhâm, chữ Vương, chồng chất lên nhau, trở thành lộn xộn, ứng vào tướng người ăn bám, ăn mày.

II.— TƯỚNG MẮT

Mắt được phân ra làm bốn loại chính như sau :

Mắt lồi, mắt lõm, mắt to và mắt nhỏ. Ảnh hưởng ảnh dữ được liệt ra làm mười bốn loại khác nhau :

1 — Con người to và đen nhánh như sơn, là người tài năng và rất thông minh. học một biết mười, tánh tình chính trực, thân thể Khang kiện và thích về môn mỹ thuật.

2 — Con người to và đen như màu tro xám, là tướng người thích du di, không quyết đoán, tâm thần bất định, lại ưa về dâm dục nhiều hơn.

3 — Con người hay ngược lên giống như mắt Heo luộc, là tướng người kiêu ngạo và tham dâm. Tướng chết non, có thể là chết về nghiệp gươm đao.

4 — Con người ưa ngó xuống và hay ngó ngang, là tướng đa nghi, rất nên quý quyết, tàn ác âm thầm.

5 — Mắt ưa ngó trộm, hoặc ngó lảo liên như mắt Khỉ, là tướng tuy sang nhưng gian xảo, phỉnh phờ, keo bần, biến ra tướng hèn. Tướng này cũng rất mê dâm, trộm cắp.

6 — Con người tỏa ánh sáng, gọi là « Nhõn tỏa phù

quang », ứng vào kẻ rất tà dâm, tham lam, giả dối. Người ta thường gọi là mắt Rắn « Xà nhõn ».

7 — « Nhõn tinh hàm tiêu » là mắt như cọt nhũ, ưa đảo qua, liếc lại, nhấp nháy như mắt Chim Linh (chim chia vôi), hoặc như loại mắt Dê, là tướng người dâm dục, thiếu cảm tình, có khổ cho tới tuổi già.

8 — Mắt nhõn nhác như sợ hãi, gọi là « Thần lộ như kinh », tướng ứng về người thiếu mãnh lực, thiếu quả quyết và có bệnh về thần kinh, yếu chiết (chết non).

9 — Con ngươi tròn vo và lớn, (nhõn tinh viên đại), là tướng người rất siêng năng, chính trực, là người mẫn tiệp và rất giàu tình cảm, thọ trường, phú quý. Loại mắt Rùa.

10 — « Nhõn lộ hồng cân » là con ngươi có gân đỏ bao bọc chung quanh, ứng về tướng kẻ ham tàn sát, gian dâm, bất nghĩa, hung đồ. Mắt này thuộc loại mắt Cá Chày.

11 — Con ngươi nhỏ và mắt cũng nhỏ, giống như mắt Lươn. Phương ngôn nói « Những người tí hí mắt lươn. Trai thì trộm cướp, gái buôn chồng người. » Loại mắt bất nhõn, mắt đã nhỏ mà nếu một bên lại lớn hơn, gọi là « Lưỡng mục thư hùng ». Người có tướng này thì hoang dâm vô độ và chết một cách rất bi ai.

12 — Mắt giống như buồn ngủ, « Nhõn tinh bế quyện », là tướng người nhu nhược, không ham tranh đua. Người thiếu khí lực, khó hưởng phước lộc lâu dài. Tướng này giống như người ghiền nặng về ma túy,

tuy mắt vẫn mở nhưng chẳng có thần, ngờ ngác như mắt Cá.

13 — Người có mắt lồi ra như mắt Tôm được gọi là « Nhõn tinh phù đột », tinh tình cương liệt, lại ưa đổ ky, dám làm những việc tây trời, bất kể thành hay là bại, bất kể nhân nghĩa thiệt hơn. Loại mắt này ứng về hung bạo, chết vì nghiệp gươm đao.

14 — Mắt lõm như hồ ao, gọi là « Nhõn tinh thâm ao », ta thường liếc vào loại mắt Cú, Vọ (ác điều), ứng về tướng người mưu lược thâm trầm, tinh ưa cố chấp, nghi kỵ. Mắt này rất tham lam nhưng hèn nhát, đội trên và hay đạp dưới.

Đại loại mắt cần phải lớn và con ngươi phải tròn tương xứng với mắt, là quý tướng, nếu nhỏ và lệch lạc là hèn. Con ngươi chẳng nên trở màu vàng và trông trắng chẳng nên trở màu đỏ, hoặc hung hung, phạm vào những nét đó là phạm cách. Xét người trước hết xét hai con mắt là biết ngay được chính tà. Người chính đĩnh thì mắt ngó ngay, kẻ tiểu nhân là con mắt lơ lơ, lảo đảo, hay giấu mặt vì bị thôi miên.

Trong số 14 loại mắt, còn phân biệt thành 39 loại mắt để dễ nhận chân như sau :

1) « Long nhõn, quan cư thực phẩm ». Loại mắt như mắt Rồng, biểu hiệu cho tướng người giàu sang tột bậc.

2) « Phụng nhõn, thông minh siêu việt ». Mắt giống như mắt con chim Phụng hoàng, ứng vào tướng người thông tuệ, anh hùng.

3) « *Hầu nhỡn, phú quý, nhất sinh đa lộc, thả dâm.* » Loại mắt Khi, ứng về phú quý, nhưng một đời hay suy nghĩ, mà cũng là kẻ hoang dâm.

4) « *Quy nhỡn, hữu thọ, thủy chung hạnh phúc.* » Loại mắt Rùa là sống lâu, trước sau hưởng phước lâu dài.

5) « *Ngưu nhỡn, cự phú, lao碌 thành gia.* » Mắt giống mắt Trâu, là người rất nên giàu có, mà phải lận đận mới thành gia nghiệp.

6) « *Khổng tước nhỡn, phu hòa, phụ thuận.* » Mắt như chim Công, là tướng vợ chồng hòa thuận và phú quý song toàn.

7) « *Uyên ương nhỡn, phú nhi thả dâm.* » Mắt giống mắt chim Uyên ương, là tướng giàu nhưng dâm dục. Uyên ương là loại vịt trời luôn luôn có đôi, con đực là Uyên và con cái là Ương. Một con chết thì con kia khó sống. Có loại Ốc biển Đực Cái cặp kẻ với nhau suốt đời cũng gọi là Oan Ương.

8) « *Minh phụng nhỡn, chủ phú quý, trí cao, hiền đạt.* » Mắt như mắt chim Phụng gáy, là tướng giàu sang, trí lớn và hiền hách không vừa.

9) « *Tượng nhỡn, phú quý, phúc thọ diên trường.* » Mắt tựa mắt Voi, là tướng giàu sang, tuổi thọ lâu dài.

10) « *Thước nhỡn, tín nghĩa, phú nhi thả quý.* » Mắt giống như mắt chim Khách (chim Vẹt, chim Két, hoặc gọi là con chim Anh võ), là ứng về tướng người tín nghĩa, giàu có lại thêm sang.

11) « *Sư nhỡn, phú quý, trung hiếu liêm khiết.* » Mắt giống như Sư tử, là tướng giàu sang, trung thực, hiếu thảo, ngay thẳng và trong sạch.

12) « *Hổ nhỡn, hữu uy, phi thường phú quý.* » Mắt giống như mắt Cọp, là người có uy quyền, sang giàu ghê gớm. Ý nói về võ công. Loại mắt này có góc, giống như chữ V úp ngược ở mí trên.

13) « *Thuy phụng nhỡn, thanh cao, chánh đại.* » Mắt giống như mắt con Phụng ngủ, là tướng trong sạch, cao quý, ngay thẳng. Loại mắt này dài và tựa tựa như lim dim, nhưng lúc giãn mở ra thì tròn xoe, cũng giống như mắt con Mèo buổi trưa. Loại này khác hẳn với loại ti hi mắt lươn.

14) « *Nhạn nhỡn, phú quý, nghĩa khí, ôn lương.* » Mắt như mắt chim Nhạn, là tướng người trọng nghĩa khí và có tính ôn hòa, hiền hậu, hưởng phước giàu sang. Loại mắt này trông đen nhấp nhánh như sơn, nhiều hơn trông trắng, mà trông trắng trở màu xanh dương.

15) « *Âm dương nhỡn, phú quý nhi đa trá.* » Mắt Âm Dương khác nhau, có nghĩa là mắt lớn, mắt nhỏ không đều, là tướng người tuy có phần giàu sang mặc dầu, nhưng là kẻ ưa giả dối và loạn dâm.

16) « *Thuy hạc nhỡn, trung niên quý hiển, đảo lão vinh xương.* » Mắt giống như con Hạc ngủ, là tướng quý hiển vào khoảng trung tuần (40 tuổi), tới tuổi già hưởng phước tốt lành. Muốn rõ mắt Hạc ngủ, thì coi những bức vẽ ở các bức tranh, hay trên các bức tường Đình Miếu,

loại mắt này đen trắng phân minh, con người ngộ ngay không lơ láo.

17) « *Nga nhỡn, từ thiện, thân trọng, hữu khánh* ». Mắt giống như mắt Ngỗng, là tướng người hiền lương, làm việc gì cũng cần thận, có nhiều may mắn trong cuộc đời.

18) « *Đào hoa nhỡn, chủ dâm* ». Mắt tựa bông đào, là tướng người dâm dăng. Loại mắt này luôn luôn có ửng đỏ ở dưới hai mi dưới và trông đen ướt ướt như xương mùa Thu.

19) « *Trư nhỡn, hung ác, tử tất phân thi* ». Mắt giống như mắt Heo, là tướng người tàn ác, bất nhân, chết một cách chẳng toàn thây. Loại mắt này trông đen rất nhỏ và mỗi khi ngược nhìn lên, thì chỉ ngó thấy toàn trắng. Mắt trợn ngược.

20) « *Xà nhỡn lang độc, vô luân, bội nghĩa* ». Mắt như mắt Rắn, là tướng độc địa như loài chó Sói, bạ ăn, bạ nói, loạn cả cương thường, bội ân, bất nghĩa. Loại mắt này hau háu như mắt Quạ, ngó ai cứ ngó trần trần, thèm khát.

21) « *Loan nhỡn, quảng bác, phú quý, thái tình* ». Mắt giống mắt chim Loạn, là tướng người rộng rãi, thương người, giàu sang và nhiều tình cảm tươi đẹp. Chim Loạn cũng tựa tựa như chim Phụng hoàng, mắt dài và lớn, đuôi mắt hất ngược lên, đầu mi mắt hơi vòng xuống, coi hơi giống dấu Ngã (ㄣ).

22) « *Hạc nhỡn, quý thọ, chí khí, quang minh* ». Mắt như mắt Hạc, là tướng người sang và sống lâu, có khi

tiết và rộng rãi, rõ ràng. Loại mắt này khác với loại mắt con Hạc ngừ, tuy cùng là một giống.

23) « *Dương nhỡn, hung ác, bán thế bại gia* ». Mắt tựa mắt loài Dê, là tướng người rất nên hung ác, nửa đời bại hoại gia cang, tổ nghiệp.

24) « *Ngư nhỡn, chủ yếu. Bất cửu tại nhân thế* ». Mắt lơ dờ như mắt cá, là tướng chết non, có nghĩa là chẳng ở lâu trên thế gian.

25) « *Mã nhỡn, lao碌, tân khổ, vô duyên* ». Hình con mắt giống như mắt Ngựa, là tướng lăn lộn như cục đá tròn, một đời cay đắng, vô duyên.

26) « *Lang nhỡn, hung tàn, phú vô thiên chung* ». Lăm la, lăm lét như mắt chó Sói, là tướng hung ác, tàn bạo, nếu giàu sang cũng chẳng được hưởng trọn đời, chết một cách không lành. Có nghĩa là chết đâm, chết chém.

27) « *Phục tê nhỡn từ tâm, thanh tịnh, đại quý* ». Mắt giống như mắt con Tê ngừ, tựa tựa như mắt Voi, là ửng về tướng nhân từ, trong sạch, rất nên quý hiền. Loại Phục tê này cũng là loại Voi, nhưng nhỏ hơn, và có một sừng.

28) « *Lộ kính nhỡn, thanh tịnh, bản hàn* ». Mắt thường tỏ ra như sợ hãi, e dè, là tướng người trong sạch, nghèo khổ. Nếu được giàu sang thì chết non.

29) « *Viên mục, đa nghi trá, hư danh, hữu nghĩa, hảo âm nhạc* ». Tướng người có đôi mắt như mắt Vượn, tra

nghi hoặc, chuông hư danh, là người chuông đường nhân nghĩa và rất thích về âm nhạc.

30) « *Lộc nhỡn, phú quý, tinh cấp, nhi sơ nghĩa.* » Mắt giống như mắt Hươu, Nai, là người có tính luôn luôn gấp rút (lật đật), nếu phú quý lại hơi sơ sài tinh nghĩa. Hay quên bạn thù hân vi.

31) « *Hùng nhỡn, kiêu trá, tất vô thiên chung.* » Loại mắt Gấu, mu mắt trên xung lên, mà phía dưới mắt chỉ có một mí, là tướng kiêu ngạo, láo lếu, thế gì cũng chết một cách gớm ghê, mất xác.

32) « *Hà nhỡn, viên lộ, thảo tâm, phú thịnh.* » Người có mắt giống như mắt con Tôm, tròn lộ hẳn lên, là tướng luôn luôn giữ riêng một chí hướng, là có lập trường hẳn hoi, giàu và thịnh đạt. Tướng người giỏi, nhưng chết non.

33) « *Giải mục, y thực túc, si nhân, bất hiếu.* » Loại mắt giống mắt Cua, con người coi như muốn lộ hẳn ra ngoài, là tướng đủ ăn, đủ mặc, nhưng ngu ngốc và bất hiếu, hoặc mồ côi.

34) « *Yến mục, hữu tin, nhị tử bất đắc lực.* » Mắt như mắt con chim Yến, là tướng người trung thực, luôn luôn giữ điều tin nghĩa, về đường con cái ít oi và lận đận về cơm áo.

35) « *Trích cô nhỡn, kiểm cần, chủ bất hậu phú.* » Có nghĩa là mắt giống như Cò ma (cò bọ), mắt đỏ tía, con người vàng vàng, nếu thân người nhỏ nhắn, lại bị hai tai cũng nhỏ như tai Chuột, ắt hẳn là người thiếu sự

cần thận, du hí hơn là cần cù, ứng về sau chẳng dặng sang giàu.

36) « *Miêu mục, hảo nhân, cận quý, ân phú.* » Loại giống như mắt Mèo, là người thích an nhàn, được gần bạc quý nhân, lại có phận giàu ngậm. Có nghĩa là giàu về bất động sản hơn là tiền bạc trong tay.

37) « *Túy nhỡn, chủ dâm, bách sự bất thành.* » Hai con mắt lơ lơ giống như say rượu, là kẻ rất mê dâm, trăm việc định làm đều hỏng.

38) « *Linh nhỡn, tham dâm, thông minh tiêu xảo.* » Mắt giống con mắt chim Tịch-linh (loại mắt chim Chìa vôi, khi đi thì đuôi lắc qua lắc lại, khi đứng thì con mắt đảo ngược, đảo xuôi), là tướng thông minh, nhưng tiêu xảo, khôn vặt. Con người tham lam, dâm dật.

39) « *Ôn nhu, chính đại nhỡn, phú quý song toàn, thọ khảo.* » Con mắt từ trong, ngổ thẳng, đối thoại thường ngó ngay, không đảo qua, liếc lại, không ngược trợn, không cúi gằm, là tướng người quân tử, trượng phu, là bạc phú quý song toàn, hưởng tuổi thọ diên trường. Người có cặp mắt này thường áp đảo được tiểu nhân.

III.— TƯỚNG MŨI

Tất cả có 24 loại mũi ứng về tốt xấu được phân tách ra như sau :

1) « *Long tị, đại phú, bách thế lưu phương.* » Mũi Rồng là tướng giàu to, danh thơm lưu tới trăm đời. Loại mũi

này từ ấn đường buông xuống lượn từ sơn căn hơi thấp, nhưng tới Niên thọ và thượng thọ nở lần lần cho tới Chuẩn đầu phình ra, hai bên cánh mũi nảy lên rất tròn, không héch lên, không quặm xuống.

2) « *Hồ tị, đại phú, phú thạch, tri danh.* » Mũi Cọp giàu có lớn lao, giàu bền, gần xa đều biết tiếng, Mũi này tại Sơn căn rộng nở.

3) « *Hách tị, đại phú, kết quả tăng vinh.* » Mũi lớn và sáng sủa, là tướng rất giàu, kết quả thêm phần vinh hiển. Loại này lớn mà buông xuống như trái mật treo, không bị gãy, không nổi sóng lưng trâu, đầu mũi nở nang.

4) « *Thịnh nang tị, phú quý, trung niên vinh diệu.* » Mũi nở như cái túi đầy, là tướng giàu sang, tới tuổi trung niên tỏ rạng về công danh. Ý nói túi đầy tất nhiên cái nặng dồn xuống dưới, thành ra đầu mũi nở phình.

5) « *Hồ dương tị, phú quý, tài danh song mỹ.* » Mũi giống con Dê núi, là tướng giàu sang, tài cán và danh vọng đều tốt đẹp. Loại này đầu mũi nở nang, hai bên Lan Đình và chuẩn đầu đều đầy đặn, không nghiêng vẹo.

6) « *Sư tị, phú quý khả kỳ.* » Mũi giống như mũi con Sư tử, là có cơ hội trở nên phú quý.

7) « *Huyền đôm tị, phú quý, phúc lộc cũng chuyên.* » Mũi thẳng như trái mật treo, là giàu sang, phước lộc vững vàng.

8) « *Phục tế tị, đại quý, Ban Siêu anh tài.* » Mũi giống như mũi con Tê ngư (con Tây), là tướng rất nên quý hiển. tài cán, anh hùng như Ban Siêu, đời Đông Hán bên Tàu. đi sứ nơi Tây vực, làm cho trên 50 nước thần phục. Nước Việt Nam ta có cụ Trạng Mạc-Đĩnh-Chi chẳng thua gì Ban Siêu, có thể trội hơn.

9) « *Hầu tị, chủ bản, nghi lự, bất nghi.* » Mũi Khi chủ về sự bản hàn, cơ khổ, hay nghi kỵ, lại thêm dạ chẳng ngay. Loại Mũi này từ Sơn căn chạy xuống tới hai bên cánh mũi bị lép và đầu mũi trở màu hồng.

10) « *Ung chủ tị, cự ác gian manh.* » Mũi như con Chim Ung (con Ó, con Diều hâu, con Cú, cùng một loại) ứng về kẻ hiểm ác vô cùng, gian manh tột độ. Loại này phía sơn căn mỏng và gồ ghề, buông xuống tới chuẩn đầu nhọn giống như mỏ chim quặp lại. Người ta thường ví là mũi quắm, hoặc Mũi dòm mồm. Nếu chuẩn đầu rộng nở, thì còn tạm cho là quý, ngược lại chuẩn đầu bị lép thì là kẻ hoàn toàn tiêu nhân, ích kỷ và hại nhân, làm bạn với kẻ này phải đề phòng trở mặt. Loại mũi này thuộc về mũi Mạc đảng Dung và Trần Ích Tắc, Lê Tuấn, Lê Mục nước Việt nam, hoặc Bàng Hồng, Tôn Tú thời nhà Tống, bên nước Tàu.

11) « *Cầu tị, thủ tiện, tham thực, bội nghĩa.* » Mũi như mũi Chó, là tướng ti tiện như loài Chuột bọ, tham lam ăn uống và quên đường nhân nghĩa. Loại mũi này trên dưới từ chuẩn đầu ngược lên tới sơn căn giống như nhau hai bên Lan đài và Đình úy hình như không nảy nở, (hai cánh mũi lép xép).

12) « *Ngư tị, bản tiện, lao lao, lục lục.* » Người có loại mũi giống như mũi Cá, là tướng đê tiện, khó hèn, lăn lộn, lộn lộn một đời. Loại mũi này không thành hình, có nghĩa là Mũi với hai xương gò má giống như nhau.

13) « *Ngưu tị, đại phú, dung vật, dung nhân.* » Loại mũi Trâu, là tướng người giàu có lớn lao, biết bao bọc

con người và biết xót thương loài vật. Tướng người từ thiện. Loại Mũi này lớn và lỗ mũi nở to.

14) « *Đồng trúc tị, phú quý, tinh trực, trung hòa.* » Mũi giống như ống tre, là tướng giàu sang, tinh ngay thẳng, trung hậu và ôn hòa. Loại mũi này kể từ sơn căn gần nơi ấn đường trở xuống tới thọ thương đều trơn tru, không có khớp vụn vẹo, chưa kể phía đầu mũi nở nang.

15) « *Thiên an tị, bản yếu, bất liên tắc yếu.* » Mũi lệch và lõm, là tướng nghèo mà chết yếu, chẳng bản hàn thì chết non, có ý nói rằng nếu giàu sang ắt phải dứt cuộc đời. ngược lại nghèo khổ thì sống lâu.

16) « *Cổ phong tị, cô độc, vinh nhục vô yếu.* » Mũi không thịt bọc, xương xương, gồ ghề, giống như ngọn núi dốc, là tướng cô quả, nếu có vinh, có nhục, lên voi xuống chó một đời thì không yếu.

17) « *Tam loan, tam khúc tị, chủ cô quả, vô duyên.* » Mũi có ba nấc cong queo, có ba đường khúc khuỷu, là tướng chủ về người cô độc và vô duyên, vô phận. Ba cái cong queo kể từ sơn căn tới chuẩn đầu không được đều đặn bị vắn vẹo gọi là mũi « *Phản ngâm* ». Nếu không cong queo thì khúc khuỷu, có nghĩa là mũi chia ra làm ba nấc gồ ghề, trời lên, lặn xuống, được gọi là mũi « *Phục ngâm* ». Phản hay Phục đều không tốt.

18) « *Kiểm phong tị, chủ cô, khắc kỷ thế tử.* » Mũi giống như lưỡi kiếm, là tướng bản cùn, khắc vợ, khắc con. Loại mũi này kể từ Sơn căn tới chuẩn đầu đều nổi sống lưng trâu, giống như chóp của chữ « *A in* ».

19) « *Chương tị, bạc nghĩa, bản khổ vô cùng.* » Mũi giống như mũi con Mang, con Mễ, là tướng cô bản, bạc nghĩa. Mũi không có chuẩn đầu.

20) « *Tinh tị, hữu nghĩa, phú quý hảo lạc.* » Mũi giống như mũi con Tinh tinh, là tướng người tín nghĩa, giàu sang thích sự vui vẻ. Loại Khỉ đột rất lớn như người, hai cẳng sau ngắn, tay rất dài, là giống đười ươi, da nó hung hung đỏ, gọi là con Tinh tinh. Mũi nó giống mũi người, có chuẩn đầu này nở.

21) « *Lộ tích tị, bản tiện, gian, do, hạ lưu.* » Mũi nổi lên như xương sống, chia ra từng đốt, là tướng bản tiện, gian manh, do dự, hạ lưu.

22) « *Lô táo tị, chủ bản tiện, cơ hàn.* » Mũi như lò hếp hỏ, là tướng nghèo hàn, đói rét. Loại mũi này tẹt và hếch lên, lỗ mũi lại rộng tuyền. Tuy vậy nhưng lại là người rộng rãi biết thương người.

23) « *Lộc tị, nhân từ, phú quý, hảo nghĩa nhân.* » Mũi giống như mũi con Hươu, là tướng người rất nhân từ, ưa làm điều nghĩa.

24) « *Viên tị, bất khả giao, đố kỵ, âm, khi.* » Mũi giống như mũi Vượn, thì chẳng nên kết bạn, là tướng người ưa tạt đổ, âm thầm mưu độ và hay giả dối, gặt găm con người.

IV.— TƯỚNG MIỆNG

Miệng con người ta có nhiều kiểu khác nhau, nhưng chung quy được phân ra làm 16 loại chính như sau :

1) *Tứ tự khẩu, phú quý vinh hoa.* Có nghĩa là miệng giống như hình chữ Tứ, là tướng người giàu sang vinh hiển, Miệng này hai bên mép có cạnh như hình vuông, không nhọn, không hất lên và cũng không cúp xuống.

2) *Trư khẩu, chủ bản, chung u phi mệnh.* Miệng như miệng loài Heo, là tướng khó nghèo, chết chẳng toàn thây. Miệng này môi trên rất mỏng lợt xuống môi dưới, mà môi dưới lại nhọn và nhỏ hơn môi trên, Phần nhiều loại này không có đường Nhân-trung tại môi trên, ngó kỹ thật giống miệng con Heo.

3) *Phương khẩu, chủ quý, thực lộc thiên chung.* Miệng vuông vắn đều đặn, là tướng người rất sang, hưởng lộc ngàn học lúa. Ý nói là bậc quan quyền, sang cả như Tề tướng, như Công, Hầu. Loại miệng này coi rất động, dứt lợt cả nắm tay, khi ngậm miệng thì không thấy nhọn, khi phát ngôn thì rộng mở như hình vuông, như hình chữ Nhật.

4) *Ngưỡng nguyệt khẩu, phú quý, lộc tại kỳ trung.* Miệng giống như trăng treo, là người giàu sang, tài lộc ở tại tướng cách này. Ý nói là miệng như hoa nở, khi héch mép, thì hai bên héch lên như vàng trắng dầu tuần, ai ngó thấy cũng có cảm tình, kính mến.

5) *Cung khẩu, vinh hoa, thời đạt, danh dương.* Miệng giống như dây cung. là tướng vinh hoa, hiển hách, Gặp vận làm nên thịnh đạt, danh vọng vang lừng. Loại miệng này khi bình thường thì ngay ngắn giống như chữ Nhất rất thẳng bằng. Khi mở miệng thì hai bên mép cong lên như dây cung mới mở.

6) *Ngưu khẩu, phú quý, phúc thọ diên trường.* Miệng giống như miệng Trâu là tướng người vinh hiển, giàu có, tuổi thọ lâu dài. Loại miệng này môi trên và môi dưới trề xuống như thừa da thịt, hai bên mép dưới phình ra.

7) *Xuy hỏa khẩu, yểu bản, hư hoa, vô thực.* Miệng như thối lửa, là tướng chết yểu, hoặc bản hàn, là tướng ngó hoa đẹp trong gương. Ý nói ngó hoa trong bóng gương thời chẳng bao giờ ngắt đặng, có nghĩa là chẳng có tương lai. Loại miệng này chúm chúm như người đang thối lửa trước lò, hai bên mép có rất nhiều vân ngang dọc vẫn quanh. Không yểu thì cũng không vợ, không con, vất vả.

8) *Loạn văn khẩu, chủ cô, phù sinh, lao -碌.* Miệng có nhiều nét văn rối loạn, là tướng người cô độc, là con người sống gỏi ở đời, chung thân lận đận. Loại miệng này tuy không chúm lại như thối lửa, nhưng có rất nhiều nét văn bám chung quanh miệng, ngang dọc lồi thối, nhăn nhúm không tươi.

9) *Anh đào khẩu, vinh hoa, thông minh, bác học.* Miệng như hoa anh đào, là tướng giàu sang, thông tuệ, rộng đường học vấn, tài cao. Loại miệng này tươi như hoa nở, giống như Hạnh nhân, nảy nở, nhuận sắc.

10) *Hữu khẩu phúc thọ, y lộc phong danh, bất lận.* Miệng như miệng khi, là tướng người sống lâu, ăn mặc dư thừa, không biền lận. Loại miệng này rộng và dài, ở khoảng giữa hơi héch lên, nơi môi dưới và hơi cúp xuống giữa môi trên và hai môi không dày.

11) *Long khẩu, chủ quý, quyền uy tốt chúng.* Miệng

giống như miệng Rồng, là tướng rất sang, có uy quyền lấn lướt người thiên hạ. Loại miệng này môi dày và rất rộng, phía dưới môi trề xuống và đầy đặn tươi thắm.

12) *Hồ khẩu, chủ phú, uy đức chinh tề.* Người có miệng giống như miệng Cọp, là tướng rất giàu, uy quyền và tài đức đồng đều. Loại miệng này môi dưới rất dày và hai bên mép môi dưới trề xuống như thịt thừa.

13) *Dương khẩu, chủ hung bản, lưu niên hư độ.* Miệng giống loài Dê, chủ về sự hung bạo, bản hàn, quanh năm đầy đỏ không đỏ, không bền. Ý nói con người không cửa, không nhà, lang thang vất vưởng. Loại miệng này giống như người ngậm hạt Thị trong mồm, hai mép ra tới mang tai và môi lại mỏng.

14) *Cáp khẩu, cuồng tại phù sinh, bản tiện.* Miệng giống như miệng Hến (con Trai, con Sò), là tướng người điên dại, vất vưởng, khó hèn. Loại miệng này môi mỏng như giấy, không có nhân trung và hai bên mép toang hoác, nhọn hoắt, có vắn ra tới mang tai, tưởng rằng miệng rộng, nhưng rất nhỏ.

15) *Ngư khẩu, bản hàn, chung thân bôn tẩu, hoặc yểu vong.* Miệng giống như miệng Cá, là người nghèo khổ, suốt đời chạy vay kiếm ăn, không nghèo thì chết yểu. Loại này tương tự như loại miệng Hến, nhưng môi trên lợp hẳn môi dưới và rất mỏng. Môi không có khía ngang, có nghĩa là trơn lu.

16) *Phúc thuyền khẩu, chủ bản, có khổ lưu lý, lão lai phước thọ, tài lộc phong doanh.* Miệng như thuyền úp, chủ

về bản khổ, lưu lạc, giảng hồ, đói khát, nhưng trở về già lại hưởng phước lộc lâu bền. Loại miệng này rộng và môi rất dày, nhưng hai đầu mép cúp xuống, coi hình như mếu, không tươi, cho nên tiền vận lao đao vất vả.

V.— TƯỚNG TAI

Tai cũng được chia ra làm 16 loại chính khác nhau như sau :

1) *Kim nhĩ, phú quý, lão thê, hình tử.* Tai thuộc hình Kim, tuy rằng phú quý, nhưng trở về già lại xa vợ, khắc con. Loại tai này thấp hơn chân mày, mặc dầu có thành, có quách, có thùy châu. Nói như vậy có nghĩa là so sánh nơi chân mày với phía trên vành tai, mà chân mày lại cao hơn, là thuộc hình Kim.

2) *Mộc nhĩ, chủ bản, lục thân vô kháo.* Tai thuộc hình Mộc, là tướng người nghèo khổ, cha mẹ, vợ con, anh em chẳng được cậy nhờ. Loại này vành tai hất nhọn lên, tai bạt về phía sau, được gọi là « Luân phi quách phản » coi tới thùy châu (Rái tai) tuy có, nhưng không châu về phía trước, lại quặp về phía sau, đều gọi là loại Tai hình Mộc.

3) *Thủy nhĩ, phú quý, danh tri hải vũ.* Tai hình Thủy, là tướng cách người vinh hiển, giàu có, danh thơm tiếng tốt truyền khắp mọi nơi. Loại tai này thành quách phân minh, tai dày lại tròn, phía trên cao quá chân mày, phía dưới buông xuống quá mũi, thùy châu

châu vào cửa miệng, sắc luôn tươi nhuận, được liệt vào loại tai hình Thủy.

4) *Hỏa nhĩ, cô, thọ, lão vô an vãn.* Tai hình Hỏa, là tướng cô độc, nhưng sống lâu, khi chết chẳng được yên mồ, yên mả. Loại tai này phía trên quá thấp hơn chân mày, thấp hơn cả loại Tai hình Kim. Tai cứng như xương, thành quách coi thô kệch, thùy châu không có, được gọi là loại Tai hình Hỏa.

5) *Thổ nhĩ, phú quý, vinh hiển triều ban.* Loại tai hình thổ, là tướng giàu sang, là quan quý chốn triều cương rục rỡ. Loại tai này thành quách phân minh, thùy châu đầy đặn, sắc tươi nhuận, không đen tối, mặt dầu là tai to, hay tai nhỏ, miễn đừng bật ra phía sau và phía trên không nhọn, không dưới chân mày.

6) *Trư nhĩ có bản, vãn cảnh hung vong.* Tai như tai Heo, là tướng cô khổ, bản hàn (đôi rách) trở về tuổi già chết dữ dẫn. Loại tai này chỉ có vành mà không có gân viền nổi lên, tai tuy dày nhưng nhọn hoắt, là bị khó nghèo, cô quả. Về tuổi già chết một cách hung dữ (chết đường, chết chợ). Nếu Thùy châu lớn, lại châu vào miệng thì được giàu sang, nhưng cũng không bền.

7) *Dê nhĩ, phản quách, chủ yếu bản, phá tán cơ nghiệp tổ tiên.* Tai thấp lè tè, lại lật ngược, hoặc xoắn lại như lá khô, là tướng chủ về chết non và nghèo khổ, phá tán cơ nghiệp của Ông Cha. Loại này thấp mà nhọn, ít thùy châu, lại bật ra phía sau, hoặc xoắn lại không thành cốt cách, thường thường là khắc Cha Mẹ, ít anh chị em, lao đao lận đận, nghèo đói thì có thể sống lâu, ngược lại phú quý thời mau tàn, chết nạn binh đao.

8) *Thùy khiến nhĩ, đại quý, thiên hạ nhất nhân.* Tai buồng xuống tới vai, là tướng đại quý hiển, thiên hạ chỉ có một người này. Ý nói bậc Vua Chúa trong đời. Loại tai này nói rằng buồng xuống tới vai thì không phải, nhớ rằng phía trên tai cao quá chân mày, mà phía dưới Thùy châu rất dài quá môi dưới, lại được châu vào, có sắc rất tươi, tròn trĩnh, thành quách đều nở nang. Cũng có người được giống như loại tai này mà vẫn đầy đó, lang thang cho tới tuổi già, vì Thùy châu mỏng lại buồng ngược ra phía sau, phía trên của tai không được tròn, không có vành bánh xe.

9) *Thiếp não nhĩ, phúc thế, phúc lộc tịnh hạnh.* Tai dán óc, có nghĩa là phía trên của tai lên quá cao gần tới óc, là tướng phước về đường vợ con, người hưởng phước lộc đồng đều. Thọ khảo, danh vọng trong đời.

10) *Khai hoa nhĩ, bản cùng, mãi lận điền trang.* Tai coi giống như đóa hoa nở, là tướng bản cùng, bản hết ruộng vườn. Khô sủ tới chết. Loại tai này có nghĩa là xoắn xít lại không ra thành quách, coi tựa như đóa hoa. Tai này coi như Mộc nhĩ (loại nắm tai mèo).

11) *Kỳ tử nhĩ phú quý, bạch thủ thành gia.* Tai giống như con Cò, là tướng giàu sang, tay trắng lập nên gia đình, chức phận. Loại này có thành, có quách và tròn như con Cò tướng, có nghĩa là không phân biệt lớn nhỏ nhưng phía trên tròn, phía dưới châu vào miệng, có thành quách rõ ràng.

12) *Hổ nhĩ, chủ gian, uy nghiêm mạc phạm.* Tai giống như tai Cọp, là tướng người có tánh gian ngầm, có

quyền uy, ít người dám phạm. Ý nói là con người gian hiểm, ít ai dám gần. Loại tai này nhỏ mà thành với quách đều bị phá, có thành mà không nổi vành như bánh xe, có quách mà không kín, lại lật ra bên ngoài, phía trên vành tai hơi nhọn.

13) *Tiền vũ nhĩ, phá, bản. Tiền danh, hậu cùng.* Tai giống như mũi tên bằng lông, là tướng phá tan điền trang, bản khổ. Tiền vận tuy được phong doanh, nhưng về hậu vận thì cùng cực. Loại này phía trên vành tai vót lên quá chân mày, nhưng lại nhọn và mỏng như mũi tên, thùy châu cũng lép buông thõng, không chầu vào cửa miệng, giống như cái đốc tên. Nói một cách khác là người có loại tai mỏng như giấy và nhẹ như lông, là tướng xấu, hậu vận không ra gì.

14) *Phiến phong nhĩ, phá thị, bại tán, viễn địa mai thi.* Tai mở ra như chiếc quạt gió, là tướng phá hại ngay trước mắt, thất bại mọi việc và táng tận gia tài, chết nơi đất khách, quê người. Loại tai này mỏng, không có thành và không có quách, coi trơn lu như tai Voi.

15) *Thử nhĩ, chủ hảo du, bản hàn, hung bạo.* Loại tai Chuột, ứng về tướng người ưa chơi bời đàng điếm, nghèo đói, lại là kẻ hung dữ, bạo tàn. Thử Tai này mỏng và nhỏ, phía trên nhọn hoắt, không có thùy châu.

16) *Lư nhĩ, hữu thọ, bốn tri, độ ngoại.* Loại tai Lừa, ứng về tướng người sống lâu, nhưng bốn ba suốt đời, lập nghiệp nơi xứ người thì tốt. Loại này tương tự như tai Chuột, nhưng lớn hơn và đầy đặn, không mỏng manh.

Đại loại Tai cần phải có Luân là vành trong như vành bánh xe, như miệng Lu. Cần phải có Quách là phía tường bao bọc ngoài lỗ tai phải xương xẻ, chừa đưng, chẳng nên lật ngửa ra phía ngoài, phải giống như Hồ, Ao chứa nước. Ngoài luân, Quách ra cần phải có Thùy châu đầy đặn chầu vào cửa miệng mới là tướng tốt lành. Tai hường là tướng quý hiển. Tai trắng là tướng có thanh danh. Tai đen và đỏ tía là tướng nghèo hèn. Tai có mọc lông, và lỗ tai rộng mở đều là tướng Thọ và giàu sang.

CHƯƠNG BẢY

**Luận về các màu sắc hiện trên nét mặt
để định về cát hung bản mệnh và
các mối sở cầu.**

I.— Coi bản mệnh cát hung.

II.— Coi về quan lộc thịnh suy.

III.— Coi về cầu tài.

IV.— Coi về xuất hành.

V.— Chiếm bịnh.

Chương bảy luận về các việc, coi màu sắc hiện trên nét mặt ứng về cát hung bản mệnh, cầu tài, cầu danh, xuất hành, chiêm bịnh được liệt kê thứ tự như sau :

I.— COI BẢN MỆNH CÁT HUNG

Chiếu theo Chương Nhất, Mục VII có ghi sẵn sàng vận hạn theo tuổi hằng năm, ứng trên nét mặt. Thí dụ như năm lên 1 tuổi cho tới năm 15 tuổi, thì coi tại cung ghi số 17 gọi là Thiên trung, kể nơi chân tóc giữa trán. Hoặc tuổi 18, thì coi cung Phát tế, ghi số 18, nằm phía dưới Thiên trung. Coi bảng vẽ Diện hình, mục VI, trước mục VII tại chương Nhất, sẽ thấy rõ ràng. Các việc sở cầu dưới đây, cũng chiếu theo bảng mà tìm.

II.— COI VỀ QUAN LỘC THỊNH SUY

Tại nơi Ấn đường ghi số 73, hoặc cung Tả-phụ-dác ghi số 26 và cung Hữu phụ dác ghi số 25 và cung Mệnh môn ghi số 40 hoặc 46 (cũng gọi là Gian môn, ngư vĩ) nếu ứng lên sáng sủa, mỡ màng là có tin mừng sắp tới. Nếu hai bên Tả hữu phụ dác hiện lên màu đỏ thẫm là có thăng chức tới nơi.

Ngoài ra còn coi hai bên xương quỳen ghi số 47 và 48 quang nhuận là tốt lành. Lông mày tự nhiên có sắc nhuận, hoặc tự nhiên vút lên, là ứng điềm thăng chức.

Tại cung Chuẩn đầu (đầu mũi) ghi số 37, hiện lên

màu đỏ tía như cà chua, và hai cung Tả Hữu biên thành ghi số 13 và 14 có nổi sắc hơi tối thâm, hoặc tại cung Tả Hữu Địa khố ghi số 69 và 70 có hiện sắc xanh, là ứng về giáng chức hoặc thái hời.

Những người không phải là công danh to tát, mà chỉ cần chút đỉnh về tiếng tăm, thì chỉ cần coi Ấn đường, nếu tươi nhuận là gặp thầy, gặp thợ.

III.— COI VỀ CẦU TÀI

Nếu muốn cầu cạnh nơi quyền quý thì coi Ấn đường có trở màu vàng, hoặc trắng tươi là tốt. Ngược lại nếu trở màu đỏ tía thì chẳng nên cầu cạnh tài lợi tại chốn này, ắt có sự nhục nhã ngay tới bản thân. Nhất là nơi Lệ đường ghi số 41 và 45 nổi màu xanh, thì chẳng nên cầu cạnh tới ai làm gì.

Cầu tài mà nơi Ấn đường, Chuẩn Đầu và Lưỡng quyền đều sáng sủa thì đắc lực rõ ràng.

IV.— COI VỀ XUẤT HÀNH

Trên nét mặt tất cả các bộ phận đều kỵ sắc Tia (Tử sắc), riêng có cung Dịch mã lại hợp với màu này. Xuất hành mà Dịch mã đỏ thắm thì đại cát, ra đi mỗi bước mỗi may. Cung Dịch mã cũng là cung Phụ đác ghi số 25 và 26, nằm cạnh hai bên vàng trán từ nơi trên đuôi chân mày tới hai bên đỉnh trán, cũng gần với nơi Biên đình.

Gặp được sắc Tia hiện trên Dịch mã, thì nên kinh

doanh mạnh dạn, vì sắc này hiện lên rất mau và biến đi cũng lẹ. Nếu trở màu Xanh tươi còn có thể bình thường, ngược lại Dịch mã trở màu Trắng, thì đừng nên cưỡng cầu. Trở màu đen, đi ra có hại tức thời.

V.— CHIẾM BỆNH

Bất cứ coi bệnh cho ai, cần nhất coi cái miệng. Nếu miệng trở màu vàng hoe chung quanh mép, được gọi là « HOÀNG XÂM KHẨU ĐÁC » ắt bệnh hiểm nghèo, khó chạy cho qua. Mũi tự nhiên bị vẹo qua một bên, hoặc hai bên Xương Gò má tự nhiên méo mó. Trán như khói ám, hoặc tối đen, mắt sáng lộ thần quang là bệnh thập tử nhất sinh.

Khi nào hai bên Thái dương thấy tối om, đen hoặc, là hết chữa. Lưỡi trở màu đen, hoặc xanh lè là chết.

Nếu bệnh nặng, mà coi bàn tay còn có sắc tươi, cung Địa khố, phía cằm còn tươi sáng, môi trắng nhợt, chưa bị trở màu xanh, là còn sống.

Sa-Đéc, March 8, 2015

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Dàn bài của Soạn giả.	5
CHƯƠNG NHẤT	
Nam diện ứng thập nhị cung hình đồ.	11
Luận 12 cung hiện trên nét mặt.	12
Cung Mệnh.	12
Cung Tài.	13
Cung anh chị em (bào cung).	13
Điền trạch cung (cung ruộng đất).	15
Nam nữ cung (con cái).	15
Nô bộc cung (kẻ dưới tay).	16
Thê thiếp cung (vợ hoặc nàng hầu).	17
Tật ách cung (bệnh hoạn).	18
Thiên di cung (xuất ngoại).	19
Quan lộc cung.	21
Phúc đức cung.	21
Phụ mẫu cung.	22
Tướng diện hình lược đồ. (Thiên can, Địa chi, Ngũ nhạc, Tứ độc, Bát Quát).	23

Ngũ tinh. Ngũ tinh tương sinh và Ngũ tinh tương khắc.	25
Cửu Diệu.	26
Lục thú.	27
Hình đồ diện mạo thứ tự số liệt bát. Đếm ghi Can, chi trên mặt)	28
Các con số liệt kê ứng vào các cung trên nét mặt Đản Ông.	29
Hành niên trực vận đồ. (Những vận hạn luân chuyển mỗi năm)	30
Vận niên hành đồ ứng diện hình. (Vận hạn 100 năm trên nét mặt).	31

CHƯƠNG NHÌ

Tướng thọ.	47
Tướng yêu.	48
Tướng phú quý.	50
Tướng bản tiện.	51

CHƯƠNG BA

Tướng hung ác.	57
Tướng cô độc.	58

CHƯƠNG BỐN

Luận về nốt Ruồi.	65
Nốt Ruồi mọc trên mặt.	65
Nốt Ruồi mọc tại thân thể.	68
Chỉ điểm diện đồ (Hình các nốt Ruồi liệt kê trên nét mặt)	71